



# TỔNG CỤC THỐNG KÊ CỤC THỐNG KÊ TỈNH KHÁNH HÒA

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022



*Tốc độ phát triển của các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu  
6 tháng đầu năm 2022 so cùng kỳ năm trước*

**KHÁNH HÒA, 6/2022**



# TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

6 tháng đầu năm 2022



Khánh Hòa



Quần đảo Trường Sa

# GRDP

↑ 12,58%

Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản

↑ 0,65%

Khu vực Công nghiệp và xây dựng

↑ 14,09%

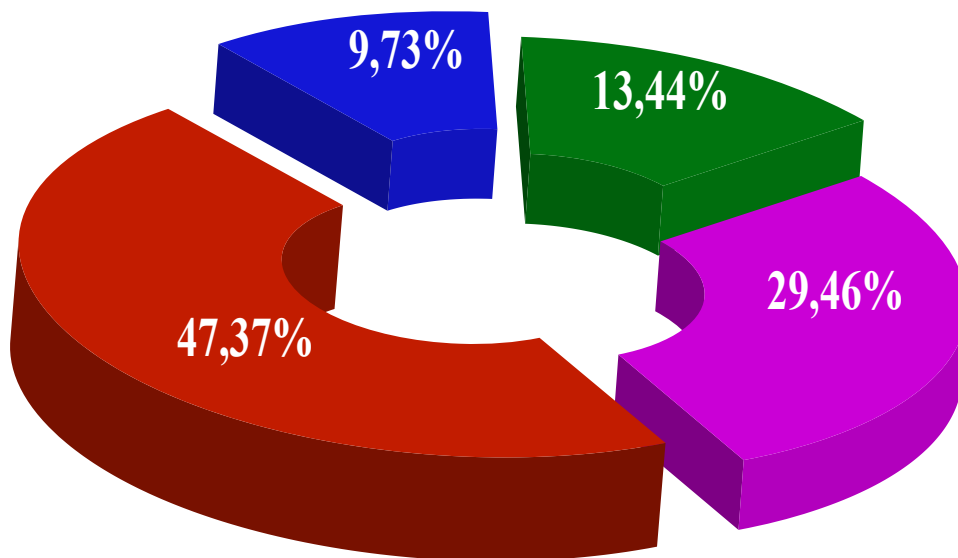
Khu vực Dịch vụ

↑ 17,32%

Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm

↑ 3,34%

## CƠ CẤU GRDP THEO GIÁ HIỆN HÀNH



■ Nông, lâm nghiệp và thủy sản   ■ Công nghiệp và xây dựng   ■ Dịch vụ   ■ Thuế SP trừ trợ cấp SP



# NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng  
cây hàng năm (ha)

55.268,3 ↓ 1,93%



Diện tích gieo trồng  
lượng thực có hạt (ha)

39.184,5 ↑ 1,09%



Số lượng gia súc, gia cầm (nghìn con)  
so năm trước



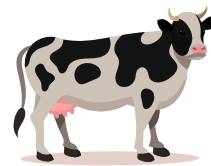
Trâu

3,9 ↓ 3,4%



Bò

74,2 ↓ 1,47%



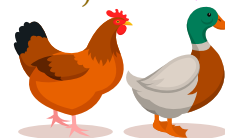
Lợn

270,3 ↑ 7,57%



Gia cầm

3.038,5 ↑ 1,54%



# LÂM NGHIỆP

so năm trước

Diện tích rừng trồng mới tập trung

145,6 ha ↓ 34,12%



Sản lượng gỗ khai thác

38,9 nghìn m<sup>3</sup> ↑ 3,39%



# THỦY SẢN

so năm trước

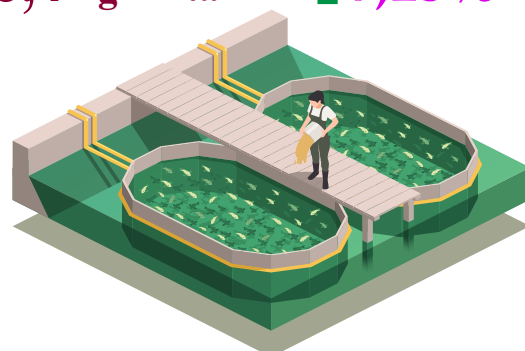
Sản lượng khai thác

59,6 nghìn tấn ↓ 0,21%



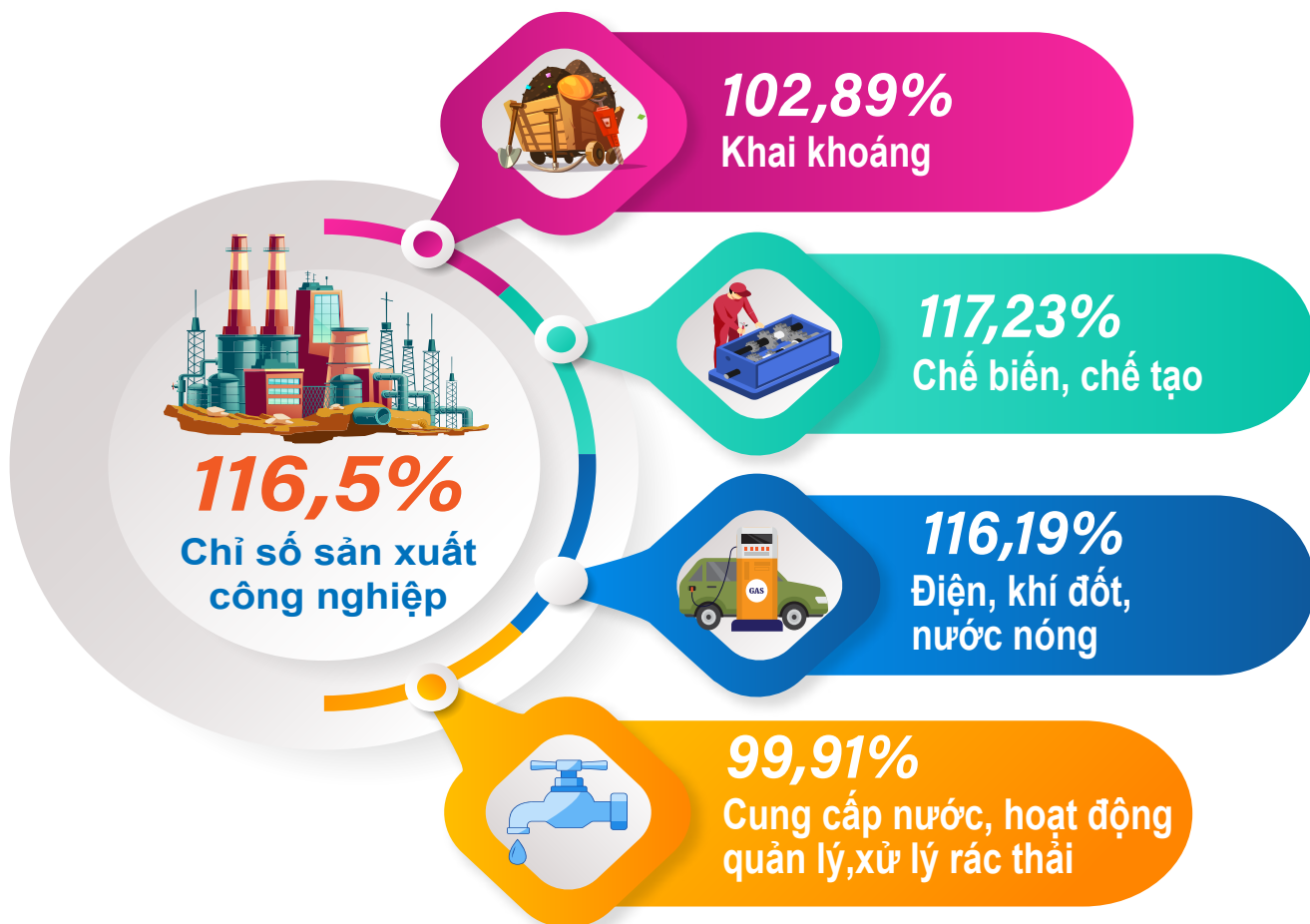
Sản lượng nuôi trồng

8,4 nghìn tấn ↑ 7,25%



# SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

(so cùng kỳ năm trước)



## TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ KINH DOANH

(tính đến ngày 15/6/2022)



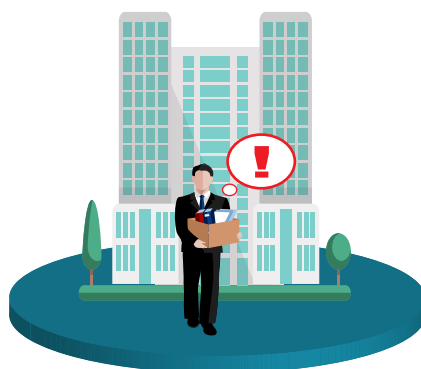
Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới

1.023  
Doanh nghiệp

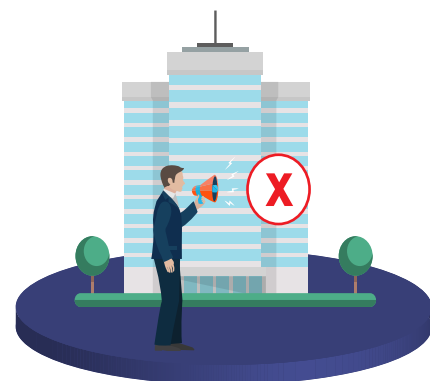
↑ 43,48%  
so cùng kỳ năm trước



872 ↑ 19,13%  
Doanh nghiệp quay trở lại hoạt động



1.188 ↑ 21,85%  
Doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động

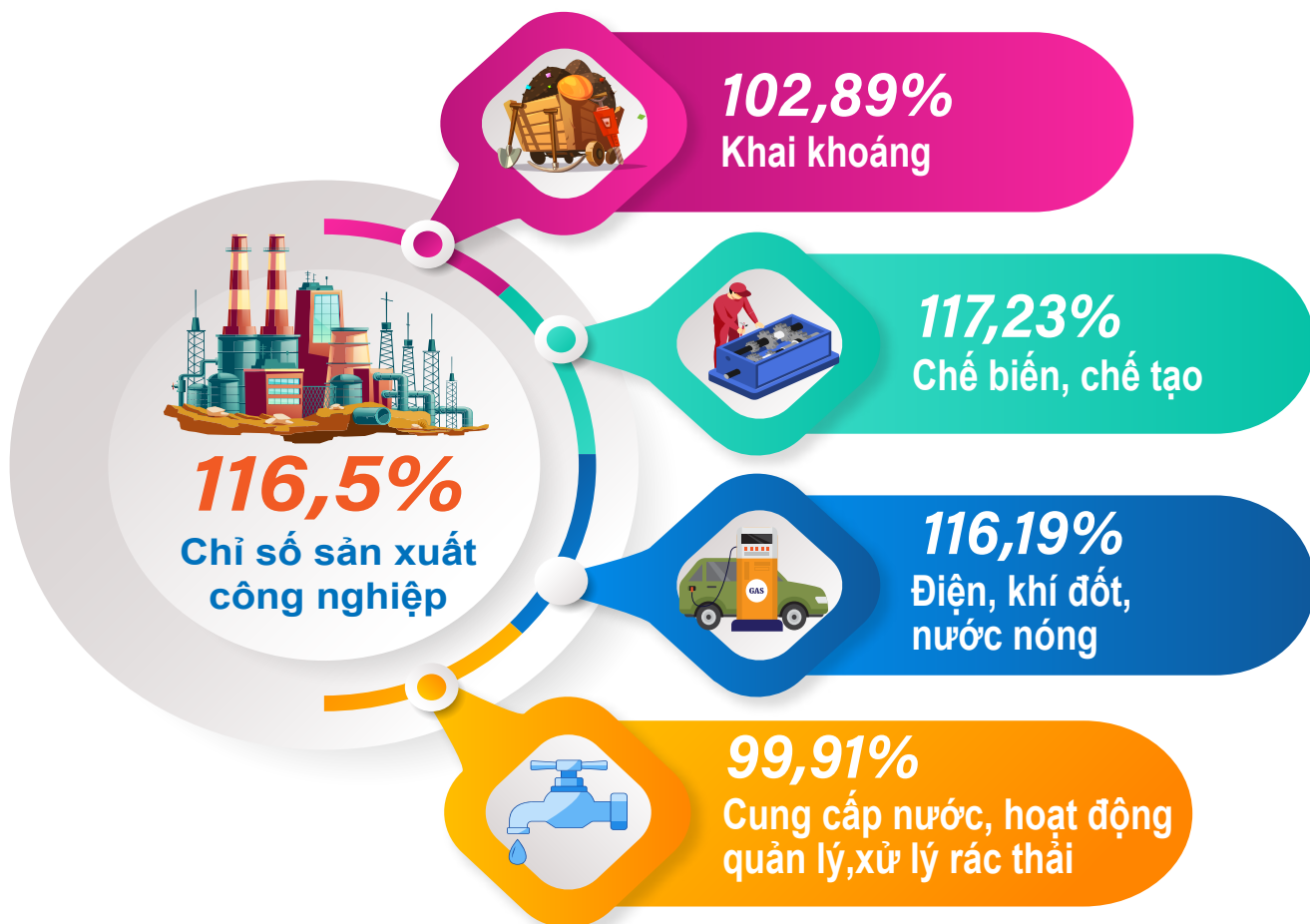


154 ↓ 23,35%  
Doanh nghiệp giải thể



# SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

(so cùng kỳ năm trước)



# TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ KINH DOANH

(tính đến ngày 15/6/2022)



Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới

1.023  
Doanh nghiệp

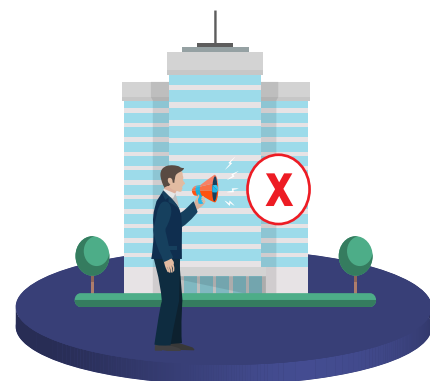
↑ 43,48%  
so cùng kỳ năm trước



872 ↑ 19,13%  
Doanh nghiệp quay trở lại hoạt động



1.188 ↑ 21,85%  
Doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động



154 ↓ 23,35%  
Doanh nghiệp giải thể

# VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI

26.294 tỷ đồng

↑ 11,3% so cùng kỳ năm trước



Vốn Nhà nước  
6.365 tỷ đồng  
↑ 4,32%

Vốn ngoài Nhà nước  
16.983 tỷ đồng  
↑ 11,1%

Vốn FDI  
2.946 tỷ đồng  
↑ 32,22%

# THU, CHI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN

Tổng thu Ngân sách

8.360 tỷ đồng



Tổng chi Ngân sách

5.476 tỷ đồng



# THƯƠNG MẠI

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

40.551 tỷ đồng

↑ 21,64% so cùng kỳ năm trước



Bán lẻ  
28.814 tỷ đồng  
↑ 12,15%



Du lịch và lữ hành  
525 tỷ đồng  
↑ 627,82%



Lưu trú, ăn uống  
7.933 tỷ đồng  
↑ 56,98%



Dịch vụ khác  
3.279 tỷ đồng  
↑ 30,09%

# XUẤT, NHẬP KHẨU



Xuất khẩu  
**790** triệu USD

↑ **31,41%**  
so cùng kỳ năm trước

Nhập khẩu  
**481** triệu USD

↑ **49,86%**  
so cùng kỳ năm trước

## Một số mặt hàng xuất khẩu

Thủy sản các loại



**56,1** nghìn tấn  
↑ **34,58%**

Cà phê



**31,8** nghìn tấn  
↓ **11,32%**

## Một số mặt hàng nhập khẩu

Giấy các loại



**293** tấn  
↑ **33,55%**

Sắt, thép các loại



**68,3** nghìn tấn  
↑ **152,2%**

# VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG BIỂN

## Vận chuyển hành khách

**12,6** triệu lượt người  
↑ **50,74%**



## Luân chuyển hành khách

**612,2** triệu lượt người.km  
↑ **50,57%**



## Vận chuyển hàng hóa

**17,5** triệu tấn  
↑ **16,08%**



## Luân chuyển hàng hóa

**1.888,1** triệu tấn.km  
↑ **18,81%**





# CHỈ SỐ GIÁ

Bình quân 6 tháng năm 2022  
so bình quân cùng kỳ năm trước

CPI

102,56%

Chỉ số giá  
tiêu dùng



118,98%

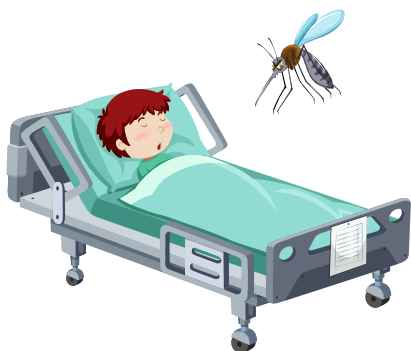
Chỉ số giá  
vàng

USD

100,19%

Chỉ số giá  
Đô la Mỹ

## Y TẾ



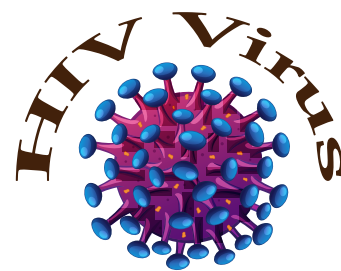
768 ca

Bệnh  
sốt xuất huyết



426 ca

Bệnh  
Tay-chân-miệng



2.724 trường  
hợp

Số trường hợp  
nhiễm HIV tích lũy

## TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022)

51 Vụ tai nạn  
giao thông

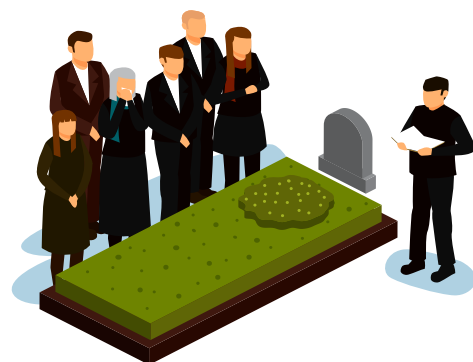
↑ 02 vụ

15 Người  
bị thương

↑ 03 người

56 Người  
chết

↑ 05 người



Số: /BC-CTK

Khánh Hòa, ngày tháng 6 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa 6 tháng đầu năm 2022**

*Tình hình kinh tế thế giới có dấu hiệu hồi phục sau những nỗ lực của các quốc gia trong việc đẩy lùi dịch bệnh COVID-19. Tuy nhiên, dưới tác động lan tỏa từ cuộc xung đột giữa Nga và U-cờ-rai-na cùng với việc phong tỏa tại các thành phố và cảng lớn ở Trung Quốc khi áp dụng chính sách “Zero COVID” đã tạo ra một loạt các cú sốc bất lợi mới. Các tổ chức quốc tế dự báo kinh tế thế giới vẫn tăng trưởng dương nhưng giảm so với các dự báo đưa ra trước đó. Cuộc xung đột giữa Nga và U-cờ-rai-na đã gây ra một cuộc khủng hoảng nhân đạo lớn ảnh hưởng đến hàng triệu người, phá vỡ chuỗi cung ứng toàn cầu, áp lực giá cả ngày càng tăng, giá năng lượng duy trì ở mức cao, giá lương thực, thực phẩm, giá ngũ cốc và thịt cũng tăng lên. Bên cạnh đó, tình trạng khẩn cấp về khí hậu đang diễn ra, hạn hán, cháy rừng, lũ lụt và các trận cuồng phong lớn trở nên thường xuyên hơn và nghiêm trọng hơn cũng gây áp lực lớn đến nền kinh tế toàn cầu.*

*Trong nước, tiếp tục đà tăng trưởng, kinh tế vĩ mô vẫn duy trì đà phục hồi mạnh mẽ bất chấp tình trạng bất định toàn cầu gia tăng liên quan đến cuộc xung đột kéo dài giữa Nga và U-cờ-rai-na, tình hình dịch bệnh COVID-19 trong nước cơ bản được kiểm soát, số ca mắc mới giảm mạnh, tỷ lệ tiêm chủng đạt mức cao, các Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế được ban hành kịp thời và phù hợp nhằm thúc đẩy sự phục hồi kinh tế. Bên cạnh những thuận lợi đó, kinh tế vĩ mô tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức như: Sự gia tăng căng thẳng địa chính trị có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh tế, rủi ro lạm phát gia tăng khi xu hướng giá nhiên liệu và hàng hóa nhập khẩu tăng; chính sách “Zero COVID” của Trung Quốc gây gián đoạn hoạt động thương mại Việt Nam - Trung Quốc làm đứt gãy chuỗi cung ứng, khan hiếm nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, làm tăng giá cả hàng hóa; biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường, tác động ngày càng nặng nề... Trước*

tình hình đó, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, Quốc hội và Chính phủ đã có nhiều văn bản chỉ đạo như Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc Hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội... đảm bảo vừa phòng chống dịch, vừa khôi phục và phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống Nhân dân.

Với tỉnh Khánh Hòa, kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm 2022 có nhiều khởi sắc, hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi mạnh mẽ, nhiều lĩnh vực kinh tế có mức tăng trưởng cao so cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức như: Giá xăng, dầu và các nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất tăng cao do bất ổn địa chính trị đã gây áp lực đến các hoạt động sản xuất kinh doanh; rủi ro lạm phát, nợ xấu gia tăng; thiên tai, biến đổi khí hậu là nguy cơ luôn tiềm ẩn;... Trong bối cảnh đó, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, địa phương tập trung thực hiện có hiệu quả giải pháp “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” đảm bảo thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe Nhân dân, vừa phục hồi phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, các Sở, ban, ngành, địa phương đã tập trung xây dựng kế hoạch hành động thực hiện đồng bộ các giải pháp. Với sự quyết tâm, nỗ lực, cố gắng của cả hệ thống chính trị, của các doanh nghiệp và toàn thể Nhân dân, kết quả đạt được của các ngành, lĩnh vực trong 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

### **1. Tăng trưởng kinh tế**

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (theo giá so sánh 2010) 6 tháng đầu năm 2022 ước được 26.270,6 tỷ đồng, tăng 12,58% so cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ 0,49% của 6 tháng đầu năm 2021, trong đó GRDP phân theo ngành kinh tế tăng 13,7% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,34%. Đóng góp trong tổng mức tăng 12,58% của toàn tỉnh, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,65%, làm tăng 0,09 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 14,09%, làm tăng 4,11 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 17,32%, làm tăng 8,02 điểm phần trăm.

Khu vực kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng thấp 0,65% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông nghiệp giảm 1,5% so cùng kỳ năm trước, làm giảm 0,08 điểm phần trăm tốc độ tăng trưởng chung toàn tỉnh do điều kiện thời tiết không thuận lợi, đầu vụ nắng nóng, cuối vụ có mưa là điều kiện cho sâu bệnh phát triển mạnh làm ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây lúa đều giảm; khu vực lâm nghiệp và khu vực thủy sản có tốc độ tăng lần lượt là 6,34% và 2%, lần lượt đóng góp tăng 0,01 và 0,16 điểm phần trăm.



Ngành công nghiệp và xây dựng tăng 14,09% so cùng kỳ năm trước: Ngành công nghiệp tăng 14,87%, đóng góp 3,01 điểm phần trăm; ngành xây dựng tăng 12,33%, đóng góp 1,1 điểm phần trăm. Trong các ngành hoạt động công nghiệp, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có tỷ trọng đóng góp cao nhất tăng 17,11%, đóng góp tăng 14,48 điểm phần trăm của toàn ngành công nghiệp và đóng góp tăng 2,93 điểm phần trăm của toàn tỉnh.

Khu vực dịch vụ là ngành có mức đóng góp tỷ trọng cao nhất trong GRDP toàn tỉnh cũng đã dần khởi sắc và tăng trưởng mạnh sau hơn 2 năm chịu tác động của đại dịch COVID-19 với mức tăng trưởng dương 17,32%. Trong khu vực dịch vụ, một số ngành chiếm tỷ trọng lớn có mức tăng trưởng khá góp phần vào mức tăng của tổng giá trị tăng thêm như: Dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 67,42%, nghệ thuật, vui chơi, giải trí tăng 21,45%, vận tải kho bãi tăng 18,41%...

Về cơ cấu nền kinh tế: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,44%, ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 29,46%, ngành dịch vụ chiếm 47,37%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,73% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm trước là: 14,81%; 28,48%; 46,12%; 10,59%).

## **2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

*Sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2022 diễn ra trong điều kiện thời tiết bất lợi cho vụ lúa Đông Xuân, đầu vụ nắng nóng, cuối vụ có mưa là điều kiện cho sâu bệnh phát triển mạnh, đặc biệt là bệnh đạo ôn, rầy nâu dẫn đến năng suất và sản lượng lúa đều giảm so vụ Đông Xuân năm trước. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển ổn định. Hoạt động khai thác thủy sản gặp khó khăn do giá nhiên liệu tăng đã tác động đến chi phí của chuyến khai thác thủy sản biển, nhiều tàu công suất nhỏ phải nằm bờ do thu không bù được chi phí đã ảnh hưởng đến sản lượng khai thác; tuy nhiên, hoạt động nuôi trồng thủy sản phát triển tốt do xuất khẩu thủy sản tăng trở lại.*

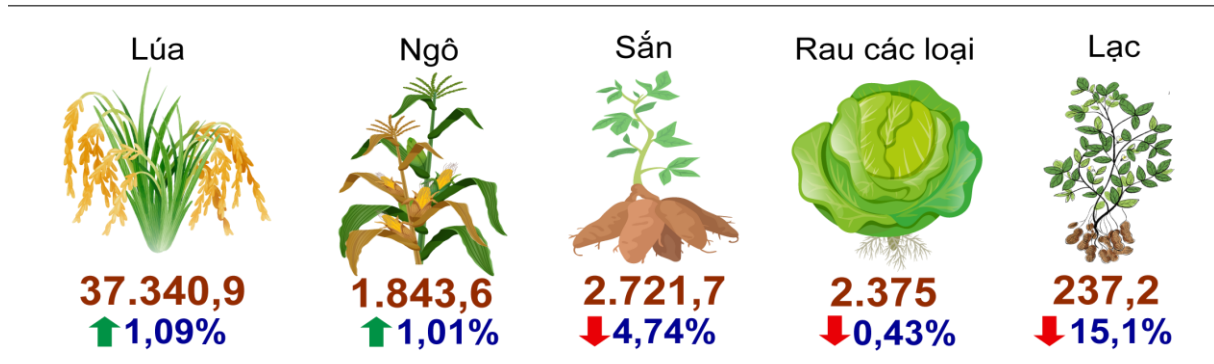
### **2.1. Nông nghiệp**

#### **a. Trồng trọt**

Vụ Đông Xuân 2021-2022 diễn ra trong điều kiện thời tiết thất thường, quá trình sinh trưởng của cây lúa gặp nhiều đợt mưa hơn so với cùng thời điểm những năm trước, đây lại là điều kiện thời tiết lý tưởng cho sâu bệnh phát triển, nhất là sâu đục thân, đạo ôn, rầy nâu... Cùng với đó, quá trình chăm sóc, phân bón không được nông dân đầu tư như các năm do giá phân bón và chi phí vật tư phục vụ sản xuất tăng cao nên mức độ đầu tư, chăm sóc hạn chế, cộng với điều kiện thời tiết bất lợi dẫn đến năng suất, sản lượng vụ lúa Đông Xuân giảm. Toàn

tỉnh đã gieo trồng 19.908,9 ha lúa Đông Xuân, giảm 0,12% so với vụ Đông Xuân 2020-2021 với năng suất bình quân ước đạt 64,44 tạ/ha, giảm 4,84 tạ/ha; 1.231,6 ha ngô, giảm 0,45% với năng suất bình quân 22,52 tạ/ha, giảm 0,61 tạ/ha. Sản lượng lương thực có hạt của Vụ Đông Xuân được 131.067,9 tấn, giảm 7,01% so vụ Đông Xuân trước (trong đó, lúa Đông Xuân 128.293,8 tấn, giảm 9.796,3 tấn).

#### Diện tích gieo trồng một số cây hàng năm (ha)



Cùng với việc thu hoạch vụ Đông Xuân, các địa phương tập trung gieo trồng được 17.432 ha lúa vụ Hè Thu, tăng 2,51% so cùng kỳ năm trước đã góp phần đưa tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm từ đầu vụ Đông Xuân đến thời điểm 15/6/2022 được 55.268,3 ha, bằng 78,01% kế hoạch, trong đó cây lương thực 39.184,5 ha, bằng 77,4%; cây chất bột có củ 2.975,4 ha, bằng 94,58%; cây thực phẩm 2.779,9 ha, bằng 50,93%; cây công nghiệp hàng năm 9.549 ha, bằng 82,15%. So cùng kỳ năm trước, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm 1,93%, trong đó cây công nghiệp hàng năm giảm 12,12% chủ yếu giảm diện tích trồng mía do các năm gần đây giá mía nguyên liệu tăng giảm đột biến, trong khi chi phí lao động, phân bón, thuốc trừ sâu... đều tăng cao, việc sản xuất mía không đem lại hiệu quả kinh tế nên người nông dân đã phá bỏ số diện tích mía đã qua nhiều năm cho thu hoạch và không tái đầu tư đã chuyển sang cây trồng khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn; cây chất bột có củ giảm 4,66%; cây thực phẩm giảm 1,25%; riêng cây lương thực tăng 1,09% do diện tích trồng lúa hè thu tăng.

Về tình hình sản xuất cây lâu năm, các địa phương trong tỉnh tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi diện tích cây hàng năm, cây lâu năm kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, dần dần hình thành vùng chuyên canh cây ăn quả có giá trị kinh tế cao và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đối với cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm người dân đang tập trung theo dõi, chăm sóc, vệ sinh vườn, bón phân để cây phát triển tốt chuẩn bị cho vụ thu hoạch tới. Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả tăng so cùng kỳ năm trước như: Cam 129,99 ha,

tăng 13,1%; bưởi 1.471,8 ha, tăng 0,3%... Tuy nhiên, thời tiết 6 tháng đầu năm 2022 không thuận lợi, nắng nóng, ít mưa, nguồn nước ở các đập, hồ chứa không đủ cung nước; cộng với giá các mặt hàng nông sản xuống thấp; mặt khác người dân đã chuyển đổi một số cây ăn quả có hiệu quả kinh tế thấp sang trồng cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao nên diện tích một số cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả giảm so cùng kỳ năm trước như: Xoài 8.067,12 ha, giảm 2,4%; chuối 3.349,8 ha, giảm 7%; thanh long 100,9 ha, giảm 8,4%; dứa 374,4 ha, giảm 4,1%; nhãn 12,8 ha, giảm 9,9%; chôm chôm 120,68 ha, giảm 4,7%; dứa 1.665,95 ha, giảm 1%; điều 3.433,41 ha, giảm 1,5%.

Do diện tích cho sản phẩm giảm nên sản lượng thu hoạch một số cây lâu năm giảm so với cùng kỳ năm trước như: Xoài 42.822,63 tấn, giảm 192,16 tấn; chuối 13.920,85 tấn, giảm 1.442,85 tấn; thanh long 108,2 tấn, giảm 6,9 tấn; chôm chôm 193,91 tấn, giảm 8,23 tấn; dứa 3.702,34 tấn, giảm 55,46 tấn và điều 3.134,33 tấn, giảm 178,68 tấn. Bên cạnh đó, nhiều cây trồng đã đến kỳ thu hoạch, diện tích cho sản phẩm tăng nên sản lượng tăng như: Dứa 451,9 tấn, tăng 4,3 tấn; bưởi 864,36 tấn, tăng 44,76 tấn; hồ tiêu 22,53 tấn, tăng 0,07 tấn và cao su 55 tấn, tăng 9 tấn.

### **b. Chăn nuôi**

*Hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa phát triển ổn định; các bệnh dịch tả lợn Châu Phi, viêm da nổi cục, dịch cúm gia cầm được kiểm soát tốt. Ngành Thú y thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; phối hợp với các địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi nhằm ngăn ngừa, tiêu diệt mầm bệnh truyền nhiễm; phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; hạn chế và ngăn chặn sự phát sinh, bùng phát và lây lan dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm để tiếp tục tái đàn, đảm bảo cung ứng nguồn thịt ra thị trường.*

Tính đến cuối tháng 6/2022, tổng đàn trâu hiện có 3.947 con, giảm 3,4% so cùng kỳ năm trước do diện tích chăn thả thu hẹp, nuôi trâu kém hiệu quả nên một số hộ nuôi sau khi xuất bán không đầu tư nuôi tiếp; đàn bò 74.218 con, giảm 1,47%; đàn lợn 270,3 nghìn con, tăng 7,57% do nhu cầu tăng, giá lợn hơi cũng đang ở mức cao nên các trại nuôi tập trung mở rộng đàn; đàn gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) 3.038,5 nghìn con, tăng 1,54% (trong đó đàn gà 2.252 nghìn con, tăng 2,23%).

Sản lượng thịt hơi xuất chuồng 6 tháng đầu năm 2022: Thịt lợn được 12.678,9 tấn, tăng 6,9% so cùng kỳ năm trước; thịt trâu 137,9 tấn, tăng 2,55%; thịt bò 2.717 tấn, tăng 1,48%; thịt gia cầm 5.022,4 tấn, tăng 6,94% (trong đó, gà



3.614,8 tấn, tăng 9,09%) và sản lượng trứng gia cầm 33.679,7 nghìn quả, tăng 3,12% (trong đó, trứng gà 27.502,8 nghìn quả, tăng 2,96%).

Sáu tháng đầu năm 2022, dịch tả lợn Châu Phi đã xảy ra trên địa bàn thành phố Nha Trang của 13 hộ nuôi lợn tại 4 thôn thuộc 3 xã (Phước Đồng, Vĩnh Thạnh và Vĩnh Thái) với tổng đàn 198 con, khối lượng 9.114 kg, địa phương đã tổ chức tiêu hủy toàn bộ, tránh lây lan trên diện rộng. Bên cạnh công tác phòng, chống dịch bệnh, lực lượng Thú y phối hợp với các địa phương, đơn vị có liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm và tình hình sử dụng chất cấm trong chăn nuôi nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng.

## **2.2. Lâm nghiệp**

Sản xuất lâm nghiệp tiếp tục tập trung chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ rừng, đồng thời ươm giống cây lâm nghiệp chuẩn bị cho kế hoạch trồng rừng năm 2022. Hiện nay, thời tiết vào mùa khô, UBND tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan chủ động thực hiện có hiệu quả phương án phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh; kịp thời xử lý các tình huống cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ, xác định rõ các khu vực trọng điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng và cháy lớn theo mức độ kiểm soát của chủ rừng, thôn, xã, huyện và tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để quản lý và bảo vệ rừng; hướng dẫn kiểm soát việc sử dụng lửa trong và gần rừng của người dân, nhất là việc đốt nương, làm rẫy nên từ đầu năm đến nay chưa xảy ra cháy rừng.

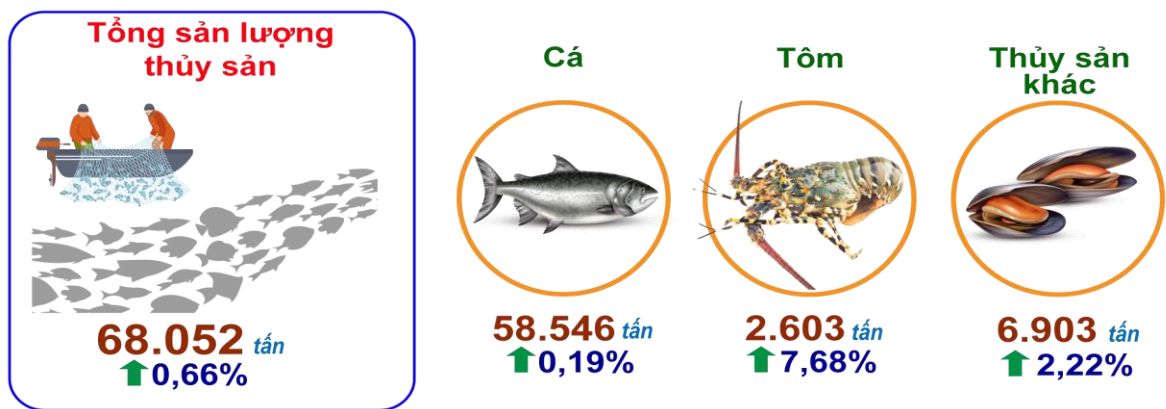
Sản lượng gỗ khai thác các loại tháng 6/2022 được 14.623,52 m<sup>3</sup>, tăng 7,76% do giá gỗ keo dùng để sản xuất dăm gỗ đang được thu mua ở mức giá khá cao nên các đơn vị tập trung khai thác; sản lượng củi khai thác được 1.290 ste, tăng 6,44% do diện tích khai thác gỗ tăng nên lượng củi khai thác tăng theo. Thời tiết 6 tháng đầu năm 2022 có mưa nên sau khai thác các đơn vị tập trung tiến hành trồng mới trên diện tích khai thác. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, diện tích rừng trồng mới tập trung được 145,6 ha, giảm 34,12% so cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác các loại được 38.859,8 m<sup>3</sup>, tăng 3,39%; sản lượng củi khai thác được 8.475,2 ste, tăng 3,52%.

## **2.3. Thủy sản**

### **a. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản**

*Tuy đang trong mùa đánh bắt hải sản nhưng nhiều tàu cá công suất nhỏ phải đang nằm bờ do giá xăng dầu liên tục tăng cao. Mặc dù sản lượng thủy sản khai thác thủy sản giảm nhưng nuôi trồng thủy sản tăng cao nên tổng sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm 2022 vẫn tăng 0,66% so cùng kỳ năm trước.*

Tổng sản lượng thủy sản tháng 6/2022 ước được 13.177,7 tấn, tăng 0,47% so cùng kỳ năm trước: Cá 11.247,3 tấn, giảm 0,5%; tôm 655 tấn, tăng 11,37% và thủy sản khác 1.275,4 tấn, tăng 4,22%. Trong tổng sản lượng thủy sản tháng 6/2022, sản lượng thủy sản khai thác được 11.496,9 tấn, tăng 0,27% so cùng kỳ năm trước (khai thác thủy sản biển 11.486,2 tấn, tăng 0,27% và khai thác thủy sản nội địa 10,7 tấn, giảm 2,02%); sản lượng thủy sản nuôi trồng được 1.680,8 tấn, tăng 1,89% (cá 691 tấn, giảm 1,49%; tôm 507,9 tấn, tăng 1,22% chủ yếu tăng sản lượng tôm nước lợ và tôm hùm nuôi lồng bè do nhu cầu tiêu thụ tăng, cộng với một số lồng bè đến kỳ thu hoạch; thủy sản khác 481,9 tấn, tăng 8%).



Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, tổng sản lượng thủy sản được 68.052,1 tấn, tăng 0,66% so cùng kỳ năm trước (Quý I: 27.517,9 tấn, tăng 0,61%; Quý II: 40.534,2 tấn, tăng 0,69%): 58.545,8 tấn cá, tăng 0,19%; 2.603,3 tấn tôm, tăng 7,68%; 6.903 tấn thủy sản khác, tăng 2,22%. Trong tổng sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm 2022, sản lượng thủy sản khai thác được 59.644,8 tấn, giảm 0,21% so cùng kỳ năm trước (khai thác thủy sản biển 59.581,9 tấn, giảm 0,21% và khai thác thủy sản nội địa 62,9 tấn, giảm 1,26%); sản lượng thủy sản nuôi trồng được 8.407,3 tấn, tăng 7,25% (cá 4.332 tấn, tăng 10,25%; tôm 1.976 tấn, tăng 3,12%; thủy sản khác 2.099,3 tấn, tăng 5,31%).

#### **b. Diện tích nuôi trồng thủy sản**

Để chủ động và đảm bảo hiệu quả mùa vụ nuôi trồng thủy sản năm 2022, hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, giảm thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, các ngành chức năng tỉnh Khánh Hòa đã xây dựng kế hoạch giám sát các cơ sở sản xuất giống, quản lý tốt con giống từ khâu sản xuất, kiểm dịch đến cung ứng cho người nuôi, nhất là đối với lượng giống thủy sản nhập khẩu, nhằm ngăn chặn dịch bệnh có thể xảy ra. Thường xuyên thực hiện công tác giám sát vùng

nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, theo dõi việc thực hiện quy hoạch nuôi trồng thủy sản tại vùng nuôi.

Thời tiết trong tháng thuận lợi là điều kiện để người dân bước vào mùa vụ thả nuôi nên diện tích nuôi trồng thủy sản tháng 6/2022 được 284,5 ha, tăng 1,8% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản ước được 2.505,1 ha, tăng 1,92% so cùng kỳ trước: Diện tích thả nuôi cá ước được 272 ha, giảm 0,6%; tôm nước lợ ước được 1.506,6 ha, tăng 3% và thủy sản khác 726,5 ha, tăng 0,8% do tình hình xuất khẩu một số mặt hàng hải sản ổn định người dân yên tâm thả nuôi.

### **3. Sản xuất công nghiệp**

*Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 8/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 về việc Quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc Hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã phát huy hiệu quả; các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã trở lại trạng thái hoạt động ổn định; một số ngành chủ lực đã có sự tăng trưởng đáng kể; nhu cầu thị trường có xu hướng phục hồi ổn định đã góp phần đưa chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2022 tăng 16,5% so cùng kỳ năm trước.*

Chỉ số xuất công nghiệp tháng 6/2022 tăng 2,18% so tháng trước và tăng 16,78% so cùng kỳ năm trước, cụ thể ngành khai khoáng tăng 16,55%; ngành chế biến, chế tạo tăng 16,95%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 19,74% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải tăng 3,32%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2022 chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tăng 16,5% so cùng kỳ năm trước (quý I tăng 14,94%; quý II tăng 18,1%): Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 17,23%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 16,19%; ngành công nghiệp khai khoáng tăng 2,89%; riêng ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,09%.

Trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, hầu hết các ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2022 tăng so cùng kỳ năm trước như: Sản xuất thuốc, hóa dược liệu tăng 57,39%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 27,53%; sản xuất phương tiện vận tải tăng 25,86%; sản xuất trang phục tăng 21,37%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 19,93%; dệt tăng 19,72%;

sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 17,08%; sản xuất máy móc, thiết bị tăng 14,25%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 13,06%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng 13,05%; sản xuất thuốc lá tăng 10,81%; sản xuất đồ uống tăng 9,66%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 8,48%; chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 2,69%. Một số ít ngành công nghiệp có chỉ số giảm như: In ấn giảm 10,23%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 3,31%.



Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong 6 tháng đầu năm 2022 tăng so cùng kỳ năm trước: Cá khác đông lạnh tăng 74,07%; đường RS tăng 72,66%; điện sản xuất tăng 32,51%; tôm đông lạnh tăng 22,03%; sợi tự nhiên tăng 19,72%; bao bì tăng 14,18%; tủ gỗ tăng 13,79%; bê tông tươi tăng 13,05%; thuốc lá có đầu lọc tăng 10,81%; cá ngừ đông lạnh tăng 10,55%; nước yến và nước bổ dưỡng khác tăng 10,09%; bia đóng lon tăng 7,9%; điện thương phẩm tăng 6,88%; ... Bên cạnh đó, một số sản phẩm có chỉ số giảm như: Bia đóng chai giảm 53,79%; nước uống được giảm 0,82%.

Chỉ số tiêu thụ của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 6/2022 ước tăng 6,87% so với tháng trước và tăng 14,9% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 13,04% so cùng kỳ năm trước. Các ngành có chỉ số tiêu thụ tăng: Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 56,61%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 26,32%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 13,05%; dệt tăng 11,01%; sản xuất thuốc lá tăng 10,21%; sản xuất giường, tủ bàn ghế tăng 9,38%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 9,18%; sản xuất trang phục tăng 8,34%; sản xuất đồ uống tăng 0,03%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện giảm 25,87%; công nghiệp chế biến, chế tạo



khác giảm 23,54%; in ấn giảm 10,22%; sản xuất da và các sản phẩm liên quan giảm 3,31%.

*Chỉ số tồn kho của ngành chế biến, chế tạo* tại thời điểm 30/6/2022 giảm 24,28% so cùng thời điểm năm trước, một số ngành có chỉ số tồn kho giảm so cùng kỳ năm trước như: Sản xuất đồ uống giảm 57,52%; ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 42,18%; dệt giảm 35,13%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 18,01%. Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số tồn kho tăng như: sản xuất giường, tủ, bàn, ghế gấp 2,5 lần; ngành sản xuất thuốc, hoá dược, dược liệu gấp 2,34 lần; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 31,4%; sản xuất trang phục tăng 20,54%; sản xuất thuốc lá tăng 13,28%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 5,33%.

*Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp* tháng 6/2022 tăng 0,84% so với tháng trước và tăng 0,57% so cùng kỳ năm trước, cụ thể: Công nghiệp chế biến chế tạo tăng 0,6%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý, xử lý rác thải, nước thải tăng 2%; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 0,94%; riêng ngành khai khoáng giảm 14,54%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, số lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp công nghiệp giảm 2,4% so cùng kỳ năm trước: Khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 8,1% và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 7,11%; riêng khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 5,65%. Theo ngành hoạt động, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 14,22% và ngành công nghiệp chế biến chế tạo giảm 2,74%; riêng ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý, xử lý rác thải, nước thải và ngành khai khoáng tăng lần lượt là 1,07% và 1,69%.

#### **4. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp**

*Các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 đang dần được khôi phục. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới cùng với số vốn đăng ký kinh doanh và số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng cao so cùng kỳ năm trước. Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến chế tạo cho thấy đa số các doanh nghiệp kỳ vọng tình hình sản xuất kinh doanh trong quý III/2022 sẽ ổn định và tốt hơn so quý II/2022.*

##### **a. Tình hình đăng ký doanh nghiệp**

Tính từ ngày 01/6/2022 đến 15/6/2022, toàn tỉnh có 115 doanh nghiệp thành lập mới với vốn đăng ký 498 tỷ đồng, tăng 98,28% về số doanh nghiệp và giảm 29,44% về vốn đăng ký so cùng kỳ năm trước. Tại thời điểm, toàn tỉnh có

43 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 13,16% so cùng kỳ năm trước; 81 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 26,56%; 17 doanh nghiệp đã giải thể giảm 5,56%.

Tính từ ngày 01/01/2022 đến 15/6/2022, toàn tỉnh có 1.023 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 43,48% so cùng kỳ năm trước với tổng số vốn đăng ký là 11.202,17 tỷ đồng, tăng 96,54%. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới tính đến nay đạt 10,95 tỷ đồng, tăng 36,98%. Tính đến nay, toàn tỉnh có 872 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 19,13% so cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lên 1.895 doanh nghiệp; 1.188 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 21,85%; 151 doanh nghiệp đã giải thể giảm 23,35%.

### ***b. Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp***

Kết quả điều tra về xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý II/2022 cho thấy: Có 68,66% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý II năm nay tốt hơn quý trước; 8,96% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn và 22,38% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định. Dự kiến quý III/2022 so quý II/2022 có 68,66% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên; 10,45% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 20,89% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định.

Về khối lượng sản xuất, có 67,16% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất của doanh nghiệp quý II/2022 tăng so quý trước; 10,45% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất giảm và 22,39% số doanh nghiệp cho rằng ổn định. Về xu hướng quý III/2022 so quý II/2022, có 65,67% số doanh nghiệp dự báo khối lượng sản xuất tăng; 8,96% số doanh nghiệp dự báo giảm và 25,37% số doanh nghiệp dự báo ổn định.

Về số lượng đơn đặt hàng mới, quý II/2022 so quý trước có 67,69% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng mới tăng; 12,31% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng giảm và 20% số doanh nghiệp có số đơn đặt hàng ổn định. Xu hướng quý III/2022 so quý II/2022, có 66,15% số doanh nghiệp dự báo có đơn hàng mới tăng; 4,62% doanh nghiệp dự báo đơn hàng giảm và 29,23% doanh nghiệp có đơn hàng ổn định.

Về số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới, quý II/2022 so quý trước cho thấy có 53,13% số doanh nghiệp khẳng định số đơn hàng xuất khẩu mới tăng; 28,13% số doanh nghiệp có đơn hàng xuất khẩu giảm và 18,74% số doanh nghiệp

nghiệp có đơn hàng xuất khẩu ổn định. Xu hướng quý III/2022 so quý II/2022, có 62,5% số doanh nghiệp dự báo tăng đơn hàng xuất khẩu; 6,25% số doanh nghiệp dự kiến giảm và 31,25% số doanh nghiệp dự báo ổn định.

### **5. Đầu tư phát triển**

*Nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025, UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo các ngành chức năng đẩy mạnh công tác kêu gọi đầu tư, kịp thời giải quyết các vướng mắc về thủ tục đầu tư, cơ sở hạ tầng, giải phóng mặt bằng; kiểm tra, đôn đốc tiến độ triển khai các dự án đã được cấp phép; đẩy nhanh công tác giải ngân, quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư công có hiệu quả. Một số dự án công trình giao thông có ý nghĩa quan trọng đang được triển khai thi công hoặc chuẩn bị đầu tư như: Dự án cao tốc đoạn Nha Trang - Cam Lâm, Cam Lâm - Vĩnh Hảo đang được triển khai thi công; đoạn Vân Phong - Nha Trang đang triển khai công tác giải phóng mặt bằng; dự án cầu Xóm Bông; dự án cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột... Các dự án khi hoàn thành sẽ phục vụ tích cực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.*

Tổng vốn đầu tư phát triển quý II/2022 theo giá hiện hành ước được 14.609,92 tỷ đồng, tăng 11,46% so cùng kỳ năm trước: Khu vực vốn nhà nước 3.865,56 tỷ đồng tăng 5,79%; khu vực vốn ngoài nhà nước 9.034,36 tỷ đồng tăng 11,22% và khu vực có vốn đầu nước ngoài 1.710 tỷ đồng tăng 28,50%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, tổng vốn đầu tư phát triển theo giá hiện hành ước được 26.293,49 tỷ đồng, tăng 11,34% so cùng kỳ năm trước: Khu vực vốn nhà nước 6.364,91 tỷ đồng, chiếm 24,21% tổng vốn và tăng 4,32% (vốn trung ương quản lý 2.915,07 tỷ đồng; vốn địa phương quản lý 3.449,85 tỷ đồng tăng lần lượt là 6,3% và 2,71%); khu vực vốn ngoài nhà nước 16.982,82 tỷ đồng, chiếm 64,59% và tăng 11,10% và khu vực có vốn đầu nước ngoài 2.945,76 tỷ đồng, chiếm 11,2% và tăng 32,22%. Trong tổng vốn đầu tư phát triển, vốn đầu tư xây dựng cơ bản chiếm tỷ trọng cao nhất 83,28%; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản chiếm 10,92%; vốn đầu tư sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định chiếm 2,69%; vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động chiếm 2,12% và vốn đầu tư khác chiếm 0,99%.

Đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh quý II/2022 ước được 915,3 tỷ đồng, tăng 5,39% so cùng kỳ năm trước: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 513,2 tỷ đồng, tăng 17,95%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện 290,3 tỷ đồng, tăng 0,29% và vốn ngân sách nhà nước cấp xã 111,81 tỷ đồng, giảm 22,31%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, vốn

đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh ước được 1.363,42 tỷ đồng, bằng 38,20% kế hoạch và tăng 4,11% so cùng kỳ năm trước; trong đó vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 795,66 tỷ đồng, bằng 34,42% và tăng 11,65%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện 423,24 tỷ đồng, bằng 50,24% và tăng 2,24% và vốn ngân sách nhà nước cấp xã 144,52 tỷ đồng, bằng 34,83% và giảm 21,02%.

Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn nhà nước tập trung thực hiện các công trình chuyển tiếp của năm 2021, một số công trình mới trong kế hoạch 2022 đã được khởi công, các công trình còn lại đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán. Các công trình có tiến độ thi công với vốn thực hiện khá là: BCH quân sự P.Vĩnh Nguyên, UBND xã Vĩnh Hiệp, trường MN Lư Cẩm, trường MN Vĩnh Lương, trường TH Vĩnh Thạnh, trường THCS Nguyễn Viết Xuân, trường THCS Cao Thắng, trường THCS Yersin, Tỉnh lộ 3, vỉa hè phía Đông đường Trần Phú, HT chiếu sáng công cộng, cầu Cửa Hàm, kè chống sạt lở suối Lương Hòa (Nha Trang); trường MN Cam Lợi, trường MN 2/4, trường THCS Nguyễn Trọng Kỷ, bãi tắm số 4 (gđ2), kè chống sạt lở sông Lạch Cầu 2 và Lạch Cầu 3 (Cam Ranh); BCH quân sự xã Cam An Nam, BCH quân sự xã Cam Hải Đông, trường MN Mai Vàng, trường TH Cam Phước Tây 1, trường THCS Nguyễn Công Trứ, đường Nguyễn Chí Thanh, đường Lê Lai, đường Xuân Diệu, đường ngang TDP Bãi Giếng 2, đường KDC Dầu Sơn, mương B8, kè chống sạt lở Đòng Cam (Cam Lâm); trường MN Vạn Long, trường TH Vạn Long, đường Lê Lợi, đường Hà Huy Tập, đường Trần Đường, kè đường sắt đến cầu huyện, kè chống xói lở phía nam cầu Trần Hưng Đạo, kè hạ lưu sông Hiền Lương, bến tổng hợp Vạn Giã, đập dâng ruộng Lù (Vạn Ninh); trường THCS Trần Quốc Tuấn, đường Minh Mạng, kè đập ngăn mặn sông Đá Hàn, kè bờ biển phường Ninh Hải, đường cơ động và bến cập tàu xã đảo Ninh Vân; đường BTXM các xã Ninh Tây, Ninh An, Ninh Xuân; KCH kênh mương các xã Ninh Trung, Ninh Lộc, Ninh Thân (Ninh Hòa); khối nhà làm việc các ban Đảng, nhà làm việc khối Mặt trận – Đoàn thể, trường MG Hoa Phượng, trường MN Hướng Dương, trường PTDT nội trú cấp THCS, đường Nguyễn Thị Định, đường Huỳnh Thúc Kháng, đường Quang Trung, đường Ngâm 5 đi suối Meo (Khánh Vĩnh); trụ sở UBND xã Diên Hòa, trường MN Diên Điền, trường MN Diên Thọ, trường TH Diên Phú 1, trường TH – THCS Diên Đồng, đường Nguyễn Trãi, đường D1, đường nối Diên Lộc – Diên Bình, hương lộ 5, công viên Văn Miếu, kè chống sạt lở bờ sông Chò, kè và đường số 1 dọc sông Cái và sông Suối Dầu, trạm bơm Trảng Giăng, khu TĐC Diên An, cầu Mương Quan (Diên Khánh); trụ sở UBMTTQ

huyện, nhà thiếu nhi huyện, trường MN 1/6, trường TH Thành Sơn, trường TH Sơn Hiệp, trường THCS Sơn Bình, đường ven sông Tô Hạp, đường D9, đường Hai Bà Trưng, đường Lê Duẩn, chợ Sơn Lâm, cầu Sơn Trung, kè bảo vệ thượng lưu cầu Tha Mang, kè bờ hữu sông Tô Hạp, kè bảo vệ KDC thôn Dốc Gạo, cầu tràn số 1 thôn Tà Gụ, hồ chứa nước đầu làng Ka Tơ (Khánh Sơn)...

Đối với nguồn ngoài ngân sách, tỉnh Khánh Hòa có một số dự án lớn, quan trọng đã, đang và thực hiện tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo nguồn thu mới như Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1, Cảng tổng hợp Nam Vân Phong và Bắc Vân Phong, Khu công nghiệp Ninh Thủy (hoàn tất một số hạng mục công trình hạ tầng như cấp nước, xử lý nước thải, cấp điện...); các Cụm công nghiệp như Diên Phú-VCN, Trảng É 1, Sông Cầu,...; các Nhà máy điện mặt trời như Sông Giang, KN Cam Lâm, AMI,...; các dự án khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh như Vinpearl Long Beach villas, Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Duyên Hà, Fusion Maia Nha Trang Resort,...

## **6. Thương mại, dịch vụ**

*Với phương châm “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”, tận dụng mọi cơ hội để thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 6 tháng đầu năm 2022, hoạt động thương mại, du lịch, dịch vụ trên địa bàn tỉnh đã hồi phục và tăng trưởng trở lại. Đặc biệt là ngành du lịch, Liên hoan Du lịch Biển Nha Trang 2022 với chủ đề “Nha Trang - Khánh Hòa: Chạm đến trái tim” gồm chuỗi các hoạt động văn hóa, du lịch phong phú, đặc sắc nhằm thu hút khách du lịch đến với Nha Trang - Khánh Hòa và phục vụ cho người dân địa phương. Liên hoan Du lịch biển Nha Trang năm 2022 sẽ tạo được nhiều ấn tượng tốt đẹp, khẳng định “Nha Trang - Khánh Hòa là điểm đến an toàn, chất lượng, hấp dẫn và thân thiện”, góp phần đưa tổng mức bán hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2022 tăng 15,81% so cùng kỳ năm trước.*

### **a. Tổng mức bán hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng**

Tổng mức bán hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 6/2022 ước được 13.289,2 tỷ đồng, tăng 4,64% so tháng trước và tăng 39,88% so cùng kỳ năm trước, trong đó tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng được 7.670,6 tỷ đồng, tăng 7,41% và tăng 56,74%: Ngành thương mại 5.056,8 tỷ đồng, tăng 2,41% và tăng 27,22%; ngành lưu trú và ăn uống 1.780 tỷ đồng, tăng 16,78% và gấp 3,2 lần; dịch vụ lữ hành 150 tỷ đồng, tăng 83,68% và gấp 150 lần; dịch vụ khác 683,8 tỷ đồng, tăng 14,34% và tăng 88,72%.



**Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng**

Tỷ đồng

	Ước tính quý II năm 2022	Ước tính 6 tháng năm 2022	Tốc độ tăng/giảm	
			Quý II/2022 so với quý I/2022	6 tháng năm 2022 so với 6 tháng năm 2021
<b>Tổng số</b>	<b>21.724,2</b>	<b>40.550,8</b>	<b>15,39</b>	<b>21,64</b>
- Ngành Thương mại	14.856,5	28.814,3	6,44	12,15
- Ngành Dịch vụ lưu trú, ăn uống	4.720,7	7.932,4	46,98	56,98
- Ngành Dịch vụ lữ hành	304,2	525,4	37,57	627,82
- Ngành Dịch vụ khác	1.842,8	3.278,7	28,33	30,09

Tính chung quý II/2022, tổng mức bán hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng ước được 38.293,7 tỷ đồng, tăng 11,72% so với quý trước, trong đó các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ nhà nước được 6.694,83 tỷ đồng, tăng 17,1% với các mặt hàng chủ yếu bán ra là: 103.451 m<sup>3</sup> xăng dầu, tăng 5,13%; 163,31 triệu bao thuốc lá, tăng 1,41%. Trong tổng mức bán hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng quý II/2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng được 21.724,2 tỷ đồng, tăng 15,39% so với quý trước: Ngành thương mại được 14.856,5 tỷ đồng, tăng 6,44% do trong quý tập trung các ngày Lễ lớn và bước sang mùa du lịch với các chuỗi sự kiện nên nhu cầu tiêu dùng tăng; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống 4.720,7 tỷ đồng, tăng 46,98% (dịch vụ lưu trú 1.100,9 tỷ đồng, gấp 2,6 lần do nhu cầu du lịch tăng cao; dịch vụ ăn uống 3.619,8 tỷ đồng, tăng 29,92%); ngành dịch vụ lữ hành 304,2 tỷ đồng, tăng 37,57% do lượng khách du lịch trong nước tăng cao, đa phần tập trung vào tour du lịch biển trong ngày, cùng với sự phục hồi các đường bay quốc tế; ngành dịch vụ khác 1.842,8 tỷ đồng, tăng 28,33%.

Sáu tháng đầu năm 2022, tình hình dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát tốt, toàn tỉnh chuyển sang trạng thái bình thường mới, cùng với việc thực hiện có quả các biện pháp kích cầu, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, tình hình hoạt động thương mại, dịch vụ của tỉnh đã phục hồi đà tăng trưởng, nhu cầu tiêu dùng, du lịch của người dân tăng cao nhất là trong các dịp Lễ, Tết đã góp phần đưa tổng mức bán hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2022 được 72.569,0 tỷ đồng, tăng 15,81% so cùng kỳ năm trước, riêng

các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ nhà nước được 12.412,2 tỷ đồng, tăng 29,31% với các mặt hàng chủ yếu bán ra là: 201.854 m<sup>3</sup> xăng dầu, tăng 9,03%; 324,3 triệu bao thuốc lá, tăng 15,11%.

Trong tổng mức hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng được 40.550,8 tỷ đồng, tăng 21,64% so cùng kỳ năm trước: Ngành thương mại được 28.814,3 tỷ đồng, tăng 12,15% do nhu cầu mua sắm và du lịch tăng, cộng với việc giá cả một số mặt hàng như xăng dầu, lương thực, sắt thép và vật liệu xây dựng tăng do ảnh hưởng của việc tăng giá trên thế giới từ cuộc xung đột giữa Nga và U-cờ-rai-na; ngành dịch vụ khác 3.278,7 tỷ đồng, tăng 30,09% (trong đó, dịch vụ kinh doanh bất động sản tăng 9,93% do theo Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa, đặt mục tiêu đến năm 2030, Khánh Hòa là thành phố trực thuộc Trung ương đã đưa thị trường bất động sản của tỉnh thêm phần sôi động; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 34,42%; dịch vụ giáo dục và đào tạo tăng 50,55% do nhiều hoạt động dạy học thêm đã được triển khai trong kỳ nghỉ hè; hoạt động nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 71,97%); ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống 7.932,4 tỷ đồng, tăng 56,98% (doanh thu dịch vụ lưu trú 1.526,4 tỷ đồng, gấp 2,98 lần do nhu cầu du lịch trong nước tăng cao, cùng với đó là thị trường khách quốc tế đang dần phục hồi, chính sách nhập cảnh được thông thoáng hơn với sự kết nối đường bay thẳng giữa sân bay quốc tế Cam Ranh với các nước; doanh thu dịch vụ ăn uống 6.406 tỷ đồng, tăng 41,05%); ngành dịch vụ lữ hành 525,4 tỷ đồng, gấp 7,28 lần do các đơn vị dịch vụ lữ hành quốc tế hoạt động trở lại.

Cục quản lý thị trường tỉnh đã chủ động triển khai công tác kiểm tra, kiểm soát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ; phát hiện và xử lý nhiều trường hợp vi phạm về kinh doanh hàng cấm, hàng nhập lậu, an toàn thực phẩm. Đồng thời, tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động các cơ sở sản xuất, kinh doanh ký cam kết không kinh doanh hàng cấm, hàng giả, hàng nhập lậu, hàng kém chất lượng và hàng không đảm bảo an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra giá, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết; chống đầu cơ, găm hàng đã được thực hiện thường xuyên, thị trường hàng hóa, giá cả trên địa bàn được ổn định. Sáu tháng đầu năm 2022, Cục quản lý thị trường đã kiểm tra được 311 cơ sở sản xuất kinh doanh, đã phát hiện 153 vụ vi phạm, xử lý hành chính 150 vụ vi phạm, thu nộp ngân sách 846,55 triệu đồng.

## ***b. Du lịch***

Hưởng ứng Năm Du lịch quốc gia 2022 và hướng đến việc trở thành một sự kiện thường niên nhằm thu hút khách du lịch đến với Nha Trang - Khánh Hòa và phục vụ cho người dân địa phương, ngành Du lịch tỉnh đã tổ chức Liên hoan Du lịch Biển Nha Trang 2022 với chủ đề “Nha Trang - Khánh Hòa: Chạm đến trái tim”. Liên hoan gồm một chuỗi các hoạt động văn hóa, du lịch phong phú, đặc sắc, nhiều hoạt động nghệ thuật hấp dẫn và sôi nổi như: Chương trình nghệ thuật “Nha Trang đẹp xinh”, Hội thi tiếng hát ngành du lịch, lễ hội cà phê, lễ hội bia, trò chơi hô hát bài chòi, múa dân vũ, triển lãm ảnh chủ đề “Du lịch qua các di sản văn hóa Khánh Hòa”, chương trình biểu diễn nghệ thuật Caravan, chương trình biểu diễn thời trang và giao lưu âm nhạc, bartender trình diễn kỹ năng pha chế đồ uống, các hội thảo về du lịch.... Với các hoạt động hấp dẫn Liên hoan Du lịch Biển Nha Trang 2022 dự kiến thu hút hơn 100.000 lượt khách đến tham quan, tìm hiểu và mua sắm các sản phẩm, dịch vụ tại sự kiện, góp phần đưa doanh thu du lịch tháng 6/2022 được 1.767,3 tỷ đồng, tăng 40,41% so tháng trước với 350 nghìn lượt khách lưu trú, tăng 49,39% và 770 nghìn ngày khách lưu trú, tăng 40,07%. Quý II/2022, doanh thu du lịch được 4.047,9 tỷ đồng, gấp 2,7 lần so quý I/2022 và gấp 4,32 lần so cùng kỳ năm trước; khách lưu trú được 770,2 nghìn lượt khách, gấp 2,79 lần và gấp 3,33 lần (trong đó 28,1 nghìn lượt khách quốc tế, tăng 94,57% và gấp 2,9 lần) với 1.772,1 nghìn ngày khách, gấp 2,48 lần và gấp 2,77 lần (riêng 139,7 nghìn ngày khách quốc tế, tăng 96,07% và gấp 3,97 lần).



Nhìn chung 6 tháng đầu năm 2022, các chỉ tiêu du lịch đều có mức tăng cao so cùng kỳ năm trước: Tổng doanh thu du lịch được 5.549,8 tỷ đồng, bằng 138,74% kế hoạch và gấp 3,09 lần với 1.046,3 nghìn lượt khách lưu trú, bằng 87,19% và gấp 2,29 lần và 2.486,2 nghìn ngày khách, bằng 72,27% và gấp 2,16 lần, trong đó khách quốc tế 42,5 nghìn lượt khách, bằng 106,27% và gấp 2,23 lần với 211 nghìn ngày khách, bằng 111,03% và gấp 2,53 lần.

Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh đã bắt đầu mở lại các đường bay quốc tế với các nước sau thời gian dài bị gián đoạn bởi đại dịch COVID-19. Ngày 14/6 Công ty TNHH Thương mại tổng hợp và du lịch Amega (Amega Co.Ltd) phối hợp với Trung tâm Thông tin Xúc tiến Du lịch tỉnh Khánh Hòa, Cảng vụ hàng không miền Trung, Công ty Cổ phần nhà ga quốc tế Cam Ranh và Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh vừa tổ chức đón chuyến bay đầu tiên từ Uzbekistan, đây là thị trường khách quốc tế thứ 3 có đường bay kết nối trực tiếp với Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh. Trước đó, ngày 03/6 Cảng Hàng không quốc tế Cam Ranh đã tổ chức đón chuyến bay Singapore - Cam Ranh với tần suất 2 chuyến/tuần. Ngoài ra, ngày 20/5 máy bay mang số hiệu VN-A600 của Hãng hàng không Vietjet từ Sân bay quốc tế Incheon (Hàn Quốc) đã hạ cánh xuống Sân bay quốc tế Cam Ranh với gần 160 hành khách trên chuyến bay VJ837 từ Hàn Quốc đến Nha Trang - Khánh Hòa.

## **7. Xuất, nhập khẩu hàng hóa**

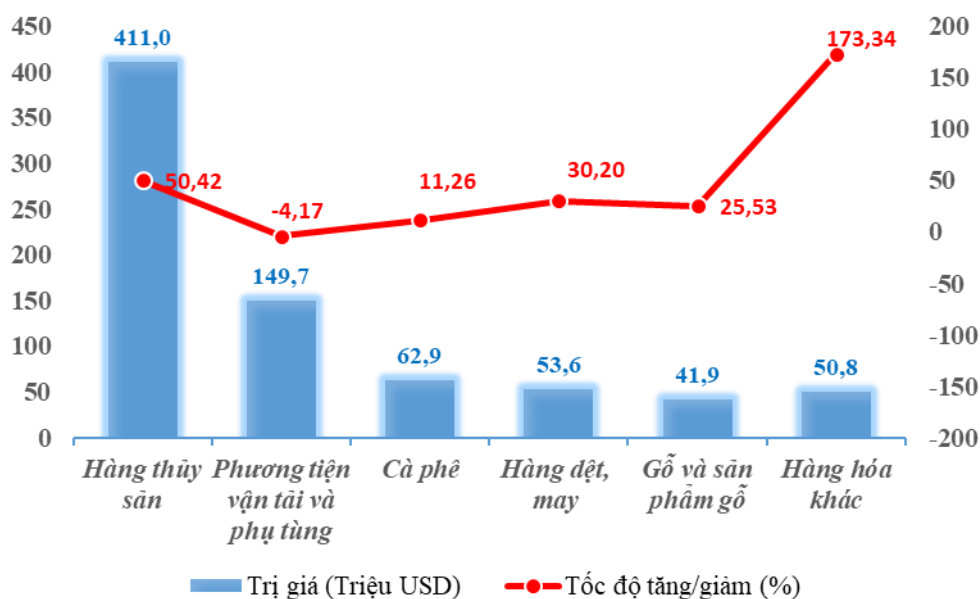
### ***a. Xuất khẩu hàng hóa***

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn tỉnh tháng 6/2022 ước được 157,4 triệu USD, tăng 14,59% so tháng trước và tăng 38,1% so cùng kỳ năm trước: Kinh tế nhà nước 3,8 triệu USD, tăng 6,95% và giảm 7,97%; kinh tế tư nhân 95,6 triệu USD, tăng 13,42% và tăng 53,89%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 57,8 triệu USD, tăng 17,05% và tăng 21,45%; kinh tế tập thể 240 nghìn USD, tăng 37,06% và tăng 37,14%.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu quý II/2022 ước được 415,2 triệu USD, tăng 10,74% so quý I/2022 và tăng 38,18% so cùng kỳ năm trước: Kinh tế tư nhân 272,2 triệu USD, tăng 25,05% và tăng 49,86%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 131,6 triệu USD, giảm 9,06% và tăng 21,43%; kinh tế nhà nước 10,7 triệu USD, giảm 7,7% và tăng 15,71%; kinh tế tập thể 0,7 triệu USD, giảm 28,2% và giảm 44,79%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn tỉnh ước được 790,1 triệu USD, tăng 31,41% so cùng kỳ năm trước: Khu vực trong nước được 513,7 triệu USD, tăng 49,88% và chiếm 65,02% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài được 276,4 triệu USD, tăng 6,91% và chiếm 34,98%. Trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trong nước 6 tháng đầu năm 2022, kinh tế nhà nước được 22,3 triệu USD, tăng 13,63%; kinh tế tư nhân 489,8 triệu USD, tăng 52,55%; kinh tế tập thể 1,6 triệu USD, giảm 22,04%.

### Trị giá và tốc độ tăng/giảm của một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu 6 tháng đầu năm 2022



Về mặt hàng xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2022, thủy sản và tàu biển vẫn là 2 mặt hàng có tỷ trọng lớn nhất với 560,8 triệu USD, chiếm 70,97% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh cụ thể: Hàng thủy sản được 411 triệu USD, chiếm 52,02% và tăng 50,42% so cùng kỳ năm trước; 149,8 triệu USD phương tiện vận tải và phụ tùng, chiếm 18,95% và giảm 4,17%; có 6 mặt hàng đạt giá trị xuất khẩu từ 10 đến 100 triệu USD, chiếm 28,26% cụ thể: 50,8 triệu USD hàng hóa khác, gấp 2,73 lần; 24,6 triệu USD gỗ, tăng 64,75%; 53,6 triệu USD hàng dệt may, tăng 30,2%; 14 triệu USD máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng, tăng 13,44%; 62,9 triệu USD cà phê, tăng 11,26%; 17,3 triệu USD sản phẩm gỗ, giảm 6,29%; một số mặt hàng đạt dưới 10 triệu USD như: 2,7 triệu USD xơ, sợi dệt các loại, tăng 1,09%; 2,5 triệu USD sản phẩm mây, tre, cói và thảm, giảm 12,99%.

Về thị trường hàng hóa xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2022, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của tỉnh với kim ngạch 198,8 triệu USD, tăng 55,14% so cùng kỳ năm trước; Quần đảo Mat-san 118,9 triệu USD, gấp 3,83 lần; Nhật Bản 77,3 triệu USD, tăng 12,81%; Xin-ga-po 51,4 triệu USD, tăng 39,51%; Đài Loan 33,7 triệu USD, tăng 2,45%; Đức 33,3 triệu USD, tăng 61,78%; Hàn Quốc 31,5 triệu USD, tăng 58,33%.

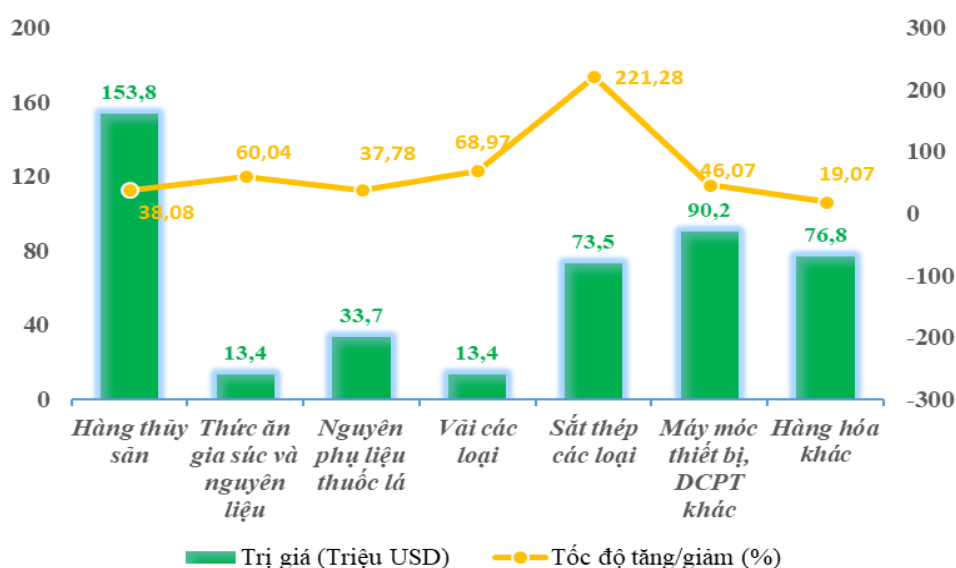
#### **b. Nhập khẩu hàng hóa**

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn tỉnh tháng 6/2022 ước được 75,6 triệu USD, giảm 23,78% so tháng trước và tăng 18,48% so cùng kỳ năm trước: Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 35,8 triệu USD, giảm 31,31% và tăng

52,75%; kinh tế tư nhân 33,3 triệu USD, giảm 18,3 và tăng 3,34%; kinh tế nhà nước 6,5 triệu USD, tăng 2,97% và giảm 20,15%.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu quý II/2022 ước được 245,2 triệu USD, tăng 3,84% so quý I/2022 và tăng 32,41% so cùng kỳ năm trước: Kinh tế nhà nước 21 triệu USD, tăng 17,11% và tăng 12,04%; kinh tế tư nhân 103,9 triệu USD, tăng 9,53% và tăng 3,41%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 120,3 triệu USD, giảm 2,46% và tăng 82,33%.

### Trị giá và tốc độ tăng/giảm của một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu 6 tháng đầu năm 2022



Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn tỉnh ước được 481,3 triệu USD, tăng 49,86% so cùng kỳ năm trước: Khu vực trong nước được 237,6 triệu USD, tăng 20,39% và chiếm 49,36% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa toàn tỉnh; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài được 243,7 triệu USD, tăng 96,82% và chiếm 50,64%. Trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trong nước 6 tháng đầu năm 2022, kinh tế nhà nước được 38,9 triệu USD, tăng 45,05%; kinh tế tư nhân 198,7 triệu USD, tăng 16,51%.

Giá trị một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu 6 tháng đầu năm 2022 như: 73,5 triệu USD sắt thép các loại, gấp 3,21 lần; 9,6 triệu USD nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày, gấp 2,42 lần; 13,4 triệu USD vải các loại, tăng 68,97%; 13,4 triệu USD thức ăn gia súc và nguyên liệu, tăng 60,04%; 3,9 triệu USD chất dẻo (plastic) nguyên liệu, tăng 49,63%; 90,2 triệu USD máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác, tăng 46,07%; 153,8 triệu USD hàng thủy sản, tăng 38,08%; 33,7 triệu USD nguyên phụ liệu thuốc lá, tăng 37,78%; 76,8 triệu USD hàng hóa khác, tăng 19,07%; 3,9 triệu USD kim loại thường khác, tăng 16,35%; 3,4 triệu USD nguyên phụ liệu dược phẩm, tăng 5,83%; 1,1 triệu USD sữa và sản phẩm từ sữa, giảm 5,98%; 2,6 triệu USD xơ, sợi dệt các loại, giảm 40,94%.



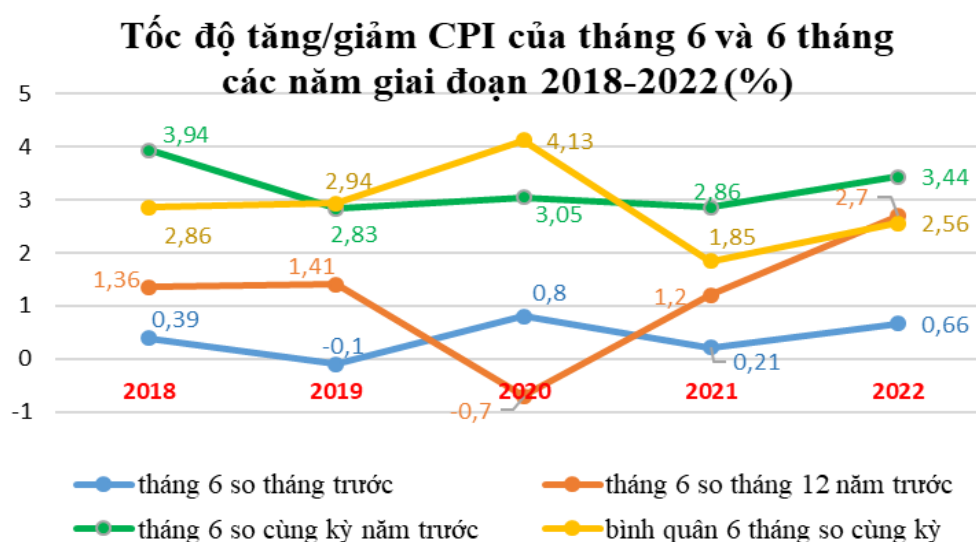
Về thị trường hàng hóa nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2022, Hàn Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của tỉnh với kim ngạch 239,2 triệu USD, chiếm 49,7% tổng kim ngạch nhập khẩu và tăng 86,56%; Đài Loan 44 triệu USD, tăng 24,42%; Xin-ga-po 43,3 triệu USD, tăng 71,19%; Trung Quốc 34,8 triệu USD, tăng 26,08%; Thái Lan 16,6 triệu USD, giảm 18,25%; Nhật Bản 15,2 triệu USD, tăng 44,32%; Ấn Độ 6,6 triệu USD, tăng 34,51%; Mỹ 5,6 triệu USD, giảm 46,17%.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 6/2022 xuất siêu được 81,8 triệu USD. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, xuất siêu được 308,8 triệu USD (Quý I: 138,8 triệu USD; Quý II: 170 triệu USD), bằng 39,08% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu. Trong tổng xuất siêu 6 tháng đầu năm 2022, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 32,7 triệu USD; khu vực kinh tế trong nước xuất siêu 276,1 triệu USD.

## 8. Giá cả

### a. Chỉ số giá tiêu dùng

Giá xăng, dầu trong tháng 6/2022 được liên Bộ Tài chính – Công thương điều chỉnh tăng; giá lương thực, thực phẩm tăng cộng với sản lượng nước sinh hoạt, điện sinh hoạt tiêu thụ tăng là nguyên nhân chính làm cho giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2022 tăng 0,66% so với tháng trước; tăng 3,44% so với cùng kỳ năm trước; tăng 2,7% so với tháng 12/2021. CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2022 tăng 2,56% so với bình quân cùng kỳ năm 2021, trong đó: CPI khu vực thành thị tăng 2,44%, khu vực nông thôn tăng 2,69%.



So tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2022 tăng 0,66% (khu vực thành thị tăng 0,48%; khu vực nông thôn tăng 0,86%), trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 6 nhóm hàng có chỉ số giá tăng; 01 nhóm hàng có chỉ số giá giảm; 4 nhóm hàng có chỉ số giá ổn định, cụ thể:

*Sáu nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng là:* Tăng cao nhất là nhóm giao thông tăng 4,06% sau 3 lần liên Bộ Tài chính - Công thương điều chỉnh tăng giá xăng dầu vào ngày 01/6/2022, ngày 13/6/2022 và ngày 21/6/2022, với mức tăng chung của giá xăng A95 là 2.260 đ/lít, xăng E5 là 1.700 đ/lít, dầu diezen là 4.550 đ/lít đã tác động lên nhóm nhiên liệu tăng 8,01%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,08% do nhóm dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng từ 3,38% - 3,59%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,85% chủ yếu do nhu cầu tăng, cộng với chi phí đầu vào tăng cao (trong đó, lương thực tăng 1%; thực phẩm tăng 0,59%; ăn uống ngoài gia đình tăng 1,36%); nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,39%, tăng ở mặt hàng máy vi tính, điện lạnh tăng 0,61% do ảnh hưởng từ tỷ giá USD; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,29% do chỉ số giá các mặt hàng như quần áo may sẵn, mũ nón, giày dép tăng từ 0,21% - 2,11%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,08%.

*Các nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm hoặc ổn định, cụ thể:* Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,27%, giảm chủ yếu ở nhóm vật liệu bảo dưỡng nhà ở giảm 0,24% do thị trường thép thế giới đang có xu hướng giảm, cộng với giá gas trong nước được điều chỉnh giảm 31.000 đ/bình (loại 12 kg), riêng chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tăng từ 0,67% - 1,21% do sản lượng tiêu thụ tăng và giá dầu hỏa được liên Bộ Tài chính - Công thương điều chỉnh với mức tăng chung là 4.470 đ/lít; các nhóm còn lại như nhóm đồ uống và thuốc lá; nhóm thuốc và dụng cụ y tế; nhóm bưu chính viễn thông; nhóm giáo dục có chỉ số giá ổn định.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm 2022 tăng 2,56% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2022 tăng 3,44% so cùng kỳ năm trước; tăng 2,7% so với tháng 12/2021 cụ thể như: Nhóm giao thông tăng cao nhất với 18,4%; hàng hóa, dịch vụ khác tăng 3,48%; giáo dục tăng 2,28%; thiết bị, đồ dùng gia đình tăng 1,95%; hàng ăn, dịch vụ ăn uống tăng 1,45%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,28%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,07%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,86%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,32%; các nhóm thuốc và dịch vụ y tế; bưu chính, viễn thông có chỉ số giá ổn định.

#### ***b. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ***

Chỉ số giá vàng tháng 6/2022 giảm 0,96% so tháng trước, tăng 13,67% so tháng 12/2021 và tăng 21,64% so cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá vàng bình quân 6 tháng đầu năm 2022 tăng 18,98% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 6/2022 tăng 0,88% so tháng trước, tăng 1,38% so tháng 12/2021 và tăng 3,06% so cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân 6 tháng đầu năm 2022 tăng 0,19% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

### **c. Chỉ số giá sản xuất**

*Chiến dịch quân sự của Nga tại U-cờ-rai-na kéo dài đã tác động nghiêm trọng đến nền kinh tế toàn cầu, các biện pháp cấm vận chưa từng có nhằm vào Nga đã đẩy giá năng lượng và ngũ cốc tăng cao dẫn đến thiếu hụt và làm gián đoạn chuỗi cung ứng trên thế giới, khiến cho giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu tăng cao, đặc biệt là giá xăng dầu, đây là mặt hàng chủ lực trong hoạt động lưu thông, vận chuyển hàng hóa. Giá xăng dầu tăng cao đã tác động đến hầu hết các loại giá sản xuất đều có xu hướng biến động tăng so với quý trước, trong đó, giá hàng nông, lâm nghiệp và thủy sản, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào dùng cho sản xuất có mức độ biến động giá tương đối lớn.*

Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất quý II/2022 tăng 5,73% so quý I/2022 và tăng 11,76% so cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu sử dụng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 6,51% và tăng 18,78%; sử dụng cho sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo tăng 3,61% và tăng 6,12%; sử dụng cho xây dựng tăng 10,99% và tăng 23,55%.

Hoạt động sản xuất, tiêu dùng tăng cao cộng với giá xăng dầu, giá phân bón, thức ăn chăn nuôi liên tục điều chỉnh giá tăng đã tác động giá bán ở một số loại cây trồng, vật nuôi, các dịch vụ nông nghiệp tăng cao, là yếu tố chính làm cho chỉ số giá sản xuất hàng nông, lâm nghiệp và thủy sản quý II/2022 tăng 0,95% so quý I/2022 và tăng 0,39% so cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nhóm sản phẩm nông nghiệp tăng 0,52% và giảm 1,61%; lâm nghiệp tăng 4,71% và tăng 9,44%; thủy sản tăng 1,22% và tăng 2,11%.

Chỉ số giá sản xuất hàng công nghiệp quý II/2022 tăng 1% so quý I/2022 và tăng 1,65% so cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nhóm sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,91% và tăng 2,02%; nhóm sản phẩm điện, truyền tải và phân phối điện tăng 2,18% và giảm 1,58%; chỉ số giá nhóm sản phẩm khai khoáng và nhóm sản phẩm cung cấp nước, dịch vụ rác thải và nước thải ổn định so quý trước và so cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý II/2022 tăng 0,72% so quý I/2022 và tăng 1,65% so cùng kỳ năm trước. Trong chỉ số giá sản xuất dịch vụ, chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 3,61% so quý I/2022 do giá xăng dầu được liên Bộ Tài chính - Công thương điều chỉnh tăng nhiều đợt và tăng 6,88% so cùng kỳ năm trước; chỉ số giá dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 2,1% và tăng 5,13%; tài chính,

ngân hàng và bảo hiểm tăng 0,18% và giảm 0,86%; hoạt động hành chính và hỗ trợ giảm 0,18% và tăng 0,62%; y tế và trợ giúp xã hội ổn định và tăng 0,02%; nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 0,02% và tăng 0,06%; hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình giảm 0,34% và tăng 2,61%. Các hoạt động có chỉ số giá sản xuất ổn định như: Hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo ổn định so quý trước và so cùng kỳ năm trước.

## **9. Vận tải**

*Liên hoan Du lịch Biển Nha Trang 2022 diễn ra từ ngày 16 đến ngày 19/6/2022 với chuỗi các hoạt động văn hóa, du lịch phong phú, đặc sắc đã thu hút được nhiều du khách đến tham gia và trải nghiệm, cùng với đó là sự hồi phục mạnh mẽ của các ngành công nghiệp, thương mại đã tác động tích cực đến ngành vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ.*

### **a. Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ**

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 6/2022 ước được 682,33 tỷ đồng, tăng 4,9% so với tháng trước và tăng 64,77% so cùng kỳ năm trước, cụ thể: Vận tải hành khách được 152,61 tỷ đồng, tăng 13,01% và gấp 5,38 lần; vận tải hàng hóa 272,4 tỷ đồng, tăng 4,44% và tăng 47,81%; kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải được 257,32 tỷ đồng, tăng 1,08% và tăng 27,73%.

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải quý II/2022 ước được 1.955,49 tỷ đồng, tăng 15,03% so quý trước và tăng 35,09% so cùng quý năm trước: Vận tải hành khách được 409,53 tỷ đồng, gấp 2,09 lần và gấp 2,24 lần; vận tải hàng hóa 778,23 tỷ đồng, tăng 6,75% và tăng 27,05%; kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải được 767,73 tỷ đồng, giảm 0,91% và tăng 17,74%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước được 3.656,16 tỷ đồng, tăng 21,99% so cùng kỳ năm trước, trong đó: Vận tải đường bộ 1.794,18 tỷ đồng, tăng 26,75%; vận tải đường biển 152,44 tỷ đồng, tăng 42,31%; vận tải đường sắt 74,16 tỷ đồng, tăng 17,76%; vận tải đường hàng không của hãng Vietnam Airlines 92,88 tỷ đồng, gấp 2 lần. Trong tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 6 tháng đầu năm 2022: Vận tải hành khách được 605,69 tỷ đồng, tăng 58,16%; vận tải hàng hóa được 1.507,98 tỷ đồng, tăng 20,74%; kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải được 1.542,49 tỷ đồng, tăng 13%.

### **b. Vận tải hành khách**

Vận tải hành khách đường bộ và đường biển tháng 6/2022 ước được 3.195,6 nghìn lượt khách vận chuyển, tăng 11,89% so với tháng trước và gấp

4,43 lần so cùng kỳ năm trước; luân chuyển được 152.754,9 nghìn lượt khách.km tăng 10,62% và gấp 4,59 lần. Quý II/2022 được 8.718 nghìn lượt khách vận chuyển, gấp 2,25 lần so quý I/2022 và gấp 2,08 lần so cùng quý năm trước; luân chuyển được 420.939,8 nghìn lượt khách.km, gấp 2,2 lần và gấp 2,09 lần.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, vận tải hành khách đường bộ và đường biển ước được 12.591,6 nghìn lượt khách vận chuyển, tăng 50,74% so cùng kỳ năm trước (đường bộ được 12.216,8 nghìn lượt khách vận chuyển và đường biển được 374,8 nghìn lượt khách vận chuyển, tăng lần lượt là 49,73% và 93,1%); luân chuyển 612.176,7 nghìn lượt khách.km, tăng 50,57% (đường bộ 608.967,8 nghìn lượt khách.km và đường biển 3.208,9 nghìn lượt khách.km, tăng lần lượt là 50,36% và gấp 2,04 lần).

Vận chuyển hành khách bằng đường sắt tháng 6/2022 ước được 30 nghìn lượt khách vận chuyển, tăng 5,98% so với tháng trước và gấp 7,53 lần so cùng kỳ năm trước; luân chuyển 15.000 nghìn lượt khách.km, tăng 20,69% và gấp 7,59 lần. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, vận chuyển hành khách bằng đường sắt ước được 122,9 nghìn lượt khách vận chuyển, tăng 10,97% so cùng kỳ năm trước; luân chuyển 55.628,3 nghìn lượt khách.km, tăng 22,26%.

### ***c. Vận tải hàng hóa***

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường biển tháng 6/2022 ước được 3.154,9 nghìn tấn, tăng 3,55% so với tháng trước và tăng 49,91% so cùng năm trước; luân chuyển 315.803,6 nghìn tấn.km, tăng 4,90% và tăng 31,98%. Quý II/2022 được 9.004,7 nghìn tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 6,31% so quý I/2022 và tăng 30,27% so cùng quý năm trước; luân chuyển được 905.517,5 nghìn tấn.km, giảm 7,84% và tăng 11,77%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường biển ước được 17.475 nghìn tấn, tăng 16,08% so cùng kỳ năm trước (đường bộ được 17.202,4 nghìn tấn, tăng 15,87% và đường biển được 272,6 nghìn tấn, tăng 31,37%); luân chuyển hàng hóa 1.888.119 nghìn tấn.km, tăng 18,81% (đường bộ 1.424.296,3 nghìn tấn.km, tăng 15,12% và đường biển 463.822,7 nghìn tấn.km, tăng 31,75%).

Vận chuyển hàng hoá bằng đường sắt tháng 6/2022 ước được 7,0 nghìn tấn, giảm 6,82% so với tháng trước và giảm 44,98% so cùng kỳ năm trước; luân chuyển 6.235 nghìn tấn.km, giảm 5,29% và giảm 47,9%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt ước được 47,21 nghìn tấn, giảm 17,23% so cùng kỳ năm trước; luân chuyển ước đạt 40.887,43 nghìn tấn.km, giảm 28,84%.

## **10. Tài chính, ngân hàng**

### **a. Tài chính**

*Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh tăng 15,02% so cùng kỳ năm trước và đạt 69,58% dự toán. Chi cân đối ngân sách địa phương tăng 7,19%, đảm bảo đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của tỉnh.*

Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh ước được 8.360 tỷ đồng, đạt 69,58% dự toán và tăng 15,02% so cùng kỳ năm trước: Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 1.960 tỷ đồng, đạt 94,46% và gấp 2,01 lần do tăng nhập khẩu xăng dầu và thu từ nhập khẩu máy móc thiết bị của dự án Nhà máy Nhiệt điện BOT Vân Phong 1 và thu từ SXKD trong nước 6.400 tỷ đồng, đạt 64,39% và tăng 1,67% do tình hình dịch bệnh trong 6 tháng đầu năm được kiểm soát, nhiều doanh nghiệp tái hoạt động, khôi phục sản xuất kinh doanh, các hoạt động kích cầu du lịch được triển khai dẫn đến thu nội địa vượt tiến độ.

Trong tổng thu từ SXKD trong nước 6 tháng đầu năm 2022, có 8 khoản thu tăng so cùng kỳ năm trước: Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước 118,77 tỷ đồng, tăng 75,81%; thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 13 tỷ đồng, tăng 56,42%; thu lệ phí trước bạ 304 tỷ đồng, tăng 42,78%; thu thuế thu nhập cá nhân 900 tỷ đồng, tăng 41,29%; thu tiền bán và thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước 28 triệu đồng, tăng 21,74%; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản 10,2 tỷ đồng, tăng 15,37%; thu cấp quyền khai thác khoáng sản 27 tỷ đồng, tăng 11,95%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được 540 tỷ đồng, tăng 0,05%. Ở chiều ngược lại, có 9 khoản thu giảm: Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế 80 tỷ đồng, giảm 51,05%; thu thuế bảo vệ môi trường 450 tỷ đồng, giảm 18,04%; thu xổ số kiến thiết 135 tỷ đồng, giảm 17,18%; thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương 215 tỷ đồng, giảm 15,79%; thu tiền sử dụng đất 300 tỷ đồng, giảm 6,81%; thu khác ngân sách 150 tỷ đồng, giảm 4,67%; thu phí và lệ phí 120 tỷ đồng, giảm 2,45%; thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương 1.537 tỷ đồng, giảm 0,92%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 1.500 tỷ đồng, giảm 0,78%. Riêng thu thuế sử dụng đất nông nghiệp ổn định 2 triệu đồng.

Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước địa phương 6 tháng đầu năm 2022 ước được 5.476,22 tỷ đồng, bằng 51,52% dự toán và tăng 7,19% so cùng kỳ năm trước, trong đó chi đầu tư phát triển được 2.039,05 tỷ đồng, bằng 57,13% và giảm 3,91% (riêng chi đầu tư xây dựng cơ bản 571,4 tỷ đồng, bằng 31,74%); chi thường xuyên 3.434 tỷ đồng, bằng 50,09% và tăng 15,06% với các khoản chi như: Chi sự nghiệp kinh tế 363,3 tỷ đồng, bằng 34,64%; chi sự nghiệp văn xã



2.226,6 tỷ đồng, bằng 53,39%; chi quản lý hành chính 639,1 tỷ đồng, bằng 50,82%; chi quốc phòng an ninh 134,3 tỷ đồng, bằng 55,42%; chi khác ngân sách 70,7 tỷ đồng, bằng 51,76%.

### **b. Ngân hàng**

Sáu tháng đầu năm 2022, ngành Ngân hàng tích cực triển khai các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay, cho vay mới với lãi suất ưu đãi để hỗ trợ khôi phục, phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn... Chủ động cân đối nguồn vốn cho vay, đáp ứng kịp thời các nhu cầu vốn phát triển kinh tế - xã hội địa phương; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện tốt các chương trình kinh tế, giữ ổn định mặt bằng lãi suất tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận vốn ngân hàng. Vốn tín dụng được phân bổ hợp lý, hướng tới các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ.

Toàn tỉnh có 38 chi nhánh TCTD và 04 Quỹ tín dụng với 185 điểm giao dịch ngân hàng và 355 máy ATM. Mạng lưới Ngân hàng đã bao phủ khắp các địa phương trên địa bàn tỉnh, riêng Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT, Ngân hàng Chính sách xã hội có điểm giao dịch tới tận các xã, đáp ứng kịp thời nhu cầu giao dịch Ngân hàng của người dân, doanh nghiệp. Toàn tỉnh có 49 tổ chức kinh tế làm đại lý đổi ngoại tệ với 76 địa điểm, đáp ứng nhu cầu đổi tiền của du khách (sân bay quốc tế Cam Ranh có 21 địa điểm, cơ sở lưu trú có 53 địa điểm và 02 địa điểm tại trung tâm thương mại); 11 đại lý chi trả ngoại tệ (kiều hối) hoạt động ổn định; 11 NHTM và 02 doanh nghiệp được cấp phép mua bán vàng miếng tại 39 điểm giao dịch, đáp ứng nhu cầu mua bán của người dân; 28 đơn vị được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

Lãi suất huy động VND kỳ hạn dưới 01 tháng phổ biến ở mức 0,1%-0,2%/năm; lãi suất kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 6 tháng là 3%-3,4%/năm; lãi suất kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng là 3,7%-4%/năm và đối với kỳ hạn từ 12 tháng trở lên là 4,8%-5,6%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND dành cho các đối tượng ưu tiên là 4,5%/năm và trung dài hạn 7,5%-9,5%/năm; lãi suất cho vay lĩnh vực SXKD khác ngắn hạn ở mức 7%-8,8%/năm; trung dài hạn ở mức 8,5%-10,5%/năm; lãi suất cho vay USD ở mức 2%-3,8%/năm đối với ngắn hạn; 4%-6,5%/năm đối với trung và dài hạn.

Đến 31/5/2022, dư nợ bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 là 40.999 tỷ đồng, chiếm 37,72% dư nợ cho vay toàn tỉnh, chủ yếu ở các ngành tiêu dùng, kinh doanh thương mại dư nợ ảnh hưởng là 17.121 tỷ đồng, chiếm 41,76% dư

nợ cho vay bị ảnh hưởng; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 8.543 tỷ đồng, chiếm 20,84%; ngành du lịch 6.210 tỷ đồng, chiếm 15,15%; ngành xây dựng 2.992 tỷ đồng, chiếm 7,3%; ngành vận tải 2.925 tỷ đồng, chiếm 7,13%. Bên cạnh việc triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp chịu ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19; công tác cho vay đối với các đối tượng chính sách cũng được Ngân hàng Chính sách xã hội quan tâm với 206,18 tỷ đồng cho vay hộ nghèo; 536,74 tỷ đồng cho vay hộ cận nghèo; 536,74 tỷ đồng cho vay hộ mới thoát nghèo; 651,52 tỷ đồng cho vay giải quyết việc làm; 1.101,17 tỷ đồng cho vay chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường; 269,77 tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội; hộ gia đình SXKD vùng khó khăn vay 332,57 tỷ đồng; ...

Ước đến cuối tháng 6/2022, huy động vốn toàn tỉnh được 111.090 tỷ đồng, tăng 20,15% so cùng kỳ năm trước: Huy động bằng đồng Việt Nam 108.760 tỷ đồng, tăng 19,95%; huy động bằng ngoại tệ 2.330 tỷ đồng, tăng 30,46%. Dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng đến cuối tháng 6/2022 ước được 109.250 tỷ đồng, tăng 9,26% so cùng kỳ năm trước: Dư nợ bằng đồng Việt Nam 102.270 tỷ đồng, tăng 8%; dư nợ bằng ngoại tệ 6.980 tỷ đồng, tăng 31,77%. Doanh số cho vay 6 tháng đầu năm ước đạt 77.728 tỷ đồng, tăng 13,74% so cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ nợ xấu đến cuối tháng 4/2022 là 1,01%, trong ngưỡng an toàn.

## **11. Một số tình hình xã hội**

### ***a. Đời sống dân cư và đảm bảo an toàn xã hội***

Sáu tháng đầu năm 2022, tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được kiểm soát tốt, tỷ lệ người dân được tiêm phòng vắc xin COVID-19 đạt cao so với cả nước; nền kinh tế dần phục hồi và tăng trưởng, đời sống Nhân dân dần trở lại trạng thái bình thường mới, các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động trở lại; công tác an sinh phúc lợi xã hội được đảm bảo kịp thời.

Số lao động có việc làm trong 6 tháng đầu năm 2022 tăng, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đều quan tâm đến việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Bên cạnh đó, các cấp công đoàn đã chủ động bám sát và phối hợp với các ngành chức năng nắm bắt tình hình doanh nghiệp nợ lương, nợ bảo hiểm xã hội để kịp thời giải quyết, tránh để xảy ra đình công, lãn công; tăng cường hoạt động đối thoại, thương lượng với doanh nghiệp về các nội dung chăm lo đời sống người lao động trong dịp Tết bảo đảm hài hòa; triển khai các gói hỗ trợ và vận động các nguồn lực chung tay chăm lo Tết cho đoàn viên, người lao động; tổ chức lan tỏa chương trình “Tết sum vầy - Xuân bình an” ở cơ sở, doanh nghiệp có đông công nhân nhưng đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

Các chính sách hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện đầy đủ như: Hỗ trợ về y tế, hỗ trợ về giáo dục, hỗ trợ về tín dụng ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm và phát triển sản xuất, hỗ trợ về nhà ở, chính sách về trợ giúp pháp lý. Thực hiện lồng ghép các hoạt động triển khai Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững với các Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, thông qua đó đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, đồng bào các dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện hơn. Đã cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách: Hộ nghèo là 20.442 thẻ; hộ cận nghèo theo NQ30 là 31.132 thẻ; hộ cận nghèo theo QĐ705 là 11.854 thẻ; dân tộc thiểu số là 42.574 thẻ; đối tượng thuộc vùng đặc biệt khó khăn là 8.333 thẻ; xã đảo là 25.847 thẻ; trẻ em dưới 6 tuổi là 126.578 thẻ.

Công tác đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ, cứu đói được các ngành các cấp quan tâm, đảm bảo đời sống tinh thần và vật chất cho các hộ chính sách nhất là gia đình thương bệnh binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng. Triển khai thực hiện tốt Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, phối hợp giải quyết tốt công tác xác nhận hồ sơ và chi trả trợ cấp ưu đãi cho người có công với cách mạng và thân nhân theo đúng quy định. Tổng số đối tượng đang hưởng trợ cấp hàng tháng đến tháng 6/2022 là 6.466 người, kinh phí 10,8 tỷ đồng. Triển khai công tác chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng cho người có công với cách mạng thông qua dịch vụ bưu chính công ích trên toàn tỉnh từ ngày 01/4/2022, hỗ trợ các địa phương từ nguồn kinh phí Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” của tỉnh để xây dựng và sửa chữa nhà ở cho người có công. Trong 6 tháng đầu năm, đã xây dựng và sửa chữa 33 nhà tình nghĩa (xây dựng: 16 nhà, sửa chữa: 17 nhà) với tổng kinh phí là 900 triệu đồng; đã xây dựng và sửa chữa 15 nhà đại đoàn kết (xây mới: 13 nhà, sửa chữa: 2 nhà) với tổng kinh phí 690 triệu đồng. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền về chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, duy trì phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, phong trào “Chăm sóc, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, phong trào “Xây dựng, sửa chữa nhà tình nghĩa”; Duy trì 136/139 xã, phường, thị trấn được công nhận làm tốt công tác thương binh liệt sĩ (không tính huyện Trường Sa), 100% gia đình chính sách có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của Nhân dân địa phương.

Các chính sách an sinh xã hội, chính sách giảm nghèo, trợ cấp xã hội thường xuyên và trợ giúp đột xuất cho người dân được triển khai theo đúng quy định, đảm bảo 100% đối tượng đủ điều kiện được nhận trợ cấp xã hội hàng tháng đúng hạn, không để xảy ra trường hợp địa phương chi trả trợ cấp muộn so

với quy định. Nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2022, toàn tỉnh tổ chức triển khai trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, người có công, trẻ em với tổng kinh phí là 54,8 tỷ đồng (trong đó, ngân sách là 52,2 tỷ đồng; vận động là 2,6 tỷ đồng). Toàn tỉnh đang thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng cho 41.978 đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; trợ giúp xã hội thường xuyên cho 19.420 người cao tuổi, 21.160 người khuyết tật. Chủ tịch UBND tỉnh đã tặng quà cho 1.053 người cao tuổi thọ 90 tuổi năm 2022 nhân ngày Người cao tuổi Việt Nam 06/6/2022 với tổng kinh phí quà tặng là 895,05 triệu đồng.

### ***b. Lao động và việc làm***

Tình hình dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được kiểm soát tốt, các hoạt động sản xuất, kinh doanh dần trở về trạng thái “bình thường mới”, UBND tỉnh đã kịp thời triển khai các chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19. Sáu tháng đầu năm 2022, số lao động có việc làm tăng thêm là khoảng 6.300 người, đạt 54,8% kế hoạch năm 2022; 87 người lao động xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài, đạt 87% kế hoạch. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương nắm bắt nhu cầu sử dụng lao động làm việc tại các doanh nghiệp và nguồn cung lao động để đẩy mạnh hoạt động kết nối cung - cầu thị trường lao động, hỗ trợ phục hồi và phát triển thị trường lao động.

Sáu tháng đầu năm 2022, toàn tỉnh đã tổ chức tuyển sinh và đào tạo nghề cho 14.807 người (Trình độ trung cấp: 984 học sinh; sơ cấp và đào tạo thường xuyên: 13.823 học viên) đạt 50,19% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2022; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo toàn tỉnh đến tháng 6/2022 ước đạt 81,5%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ ước đạt 27,15%. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá, tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp; thực hiện quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thực hiện rà soát, cập nhật chương trình đào tạo; tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2022 tại các huyện, thị xã, thành phố; triển khai công tác thông tin tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp; tuyên truyền, phổ biến cuộc thi Startup Kite 2022.

### ***c. Giáo dục***

Hệ thống mạng lưới các cơ sở giáo dục các cấp học, ngành học được phân bổ rộng trên phạm vi toàn tỉnh, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. Toàn tỉnh hiện có 539

cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và các trung tâm; trong đó có 205 trường mầm non (gồm 161 trường công lập và 44 trường ngoài công lập), 174 trường tiểu học (giảm 05 trường so với cùng kỳ năm trước), 121 trường THCS (tăng 02 trường so với cùng kỳ năm trước), 34 trường THPT (gồm 29 trường công lập, 05 trường ngoài công lập, tăng 02 trường công lập so với cùng kỳ năm trước) và 05 trung tâm. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có 137 trung tâm học tập cộng đồng, 65 trung tâm, cơ sở ngoại ngữ, tin học, 04 dịch vụ tư vấn du học và 04 cơ sở hoạt động kỹ năng sống. Toàn tỉnh hiện có 11 cơ sở giáo dục đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, 05 trường cao đẳng, 02 phân hiệu, cơ sở đại học, 06 trường đại học, 01 học viện và 01 trường Chính trị tỉnh.

Quy mô phát triển của các cấp học, ngành học tiếp tục ổn định. Toàn tỉnh hiện có khoảng 280.906 học sinh (52.361 trẻ em mầm non, 110.952 học sinh tiểu học, 72.795 học sinh THCS, 36.900 học sinh THPT, 7.898 học viên hệ GDTX). Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động giáo dục và dạy - học tiếp tục được tăng cường, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các cấp học, ngành học. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học tiếp tục đầu tư theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa. Số phòng học thông thường hiện có 8.233 phòng, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập của học sinh các cấp học, bậc học. Hầu hết các cơ sở giáo dục đều bố trí tương đối đầy đủ cán bộ, nhân viên trường học như nhân viên y tế, cán bộ thiết bị, thư viện... Công tác bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và phù hợp với quy định của Luật Giáo dục năm 2019, tiến tới toàn bộ đội ngũ được chuẩn hóa về trình độ đào tạo. Các chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục được thực hiện đầy đủ, đặc biệt là ở các trường chuyên biệt, miền núi, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Năm học 2021 - 2022, toàn ngành có 19.045 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (trong đó, 1.211 cán bộ quản lý; 14.786 giáo viên; 3.048 nhân viên).

Về Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2022 - 2023 đã diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế. Tổng số thí sinh đăng ký dự thi là 13.512 (tăng 102 thí sinh so với năm trước), với 578 phòng thi và 30 hội đồng coi thi. Toàn tỉnh có 25 trường THPT công lập tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển (01 trường THPT chuyên và 24 trường THPT). Theo kế hoạch, tổng số chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT công lập năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là 13.488 (tính cả Trường Phổ thông DTNT tỉnh); trong đó, học sinh phổ thông là 12.728 học sinh và hệ giáo dục thường xuyên là 760 học sinh.

Các cơ sở giáo dục trên địa bàn toàn tỉnh đã hoàn thành nhiệm vụ năm học 2021 - 2022 theo kế hoạch; tổ chức tổng kết năm học, lễ trưởng thành và ra trường cho học sinh khối 9 và khối 12; đồng thời, tiếp tục tổ chức ôn tập, củng cố kiến thức cho học sinh chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022. Tham gia Kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia năm 2022 đạt 15 giải (01 giải Nhì, 04 giải Ba và 10 giải Khuyến khích); tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp THPT tỉnh Khánh Hòa năm học 2021 - 2022, kết quả có 171/221 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, chiếm tỷ lệ 77,4%; trong đó có 15 giáo viên xuất sắc.

Về công tác kiểm tra, đánh giá ngoài công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia, toàn tỉnh hiện có 278 trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia (mầm non: 92 trường, tiểu học: 108 trường, THCS: 75 trường và THPT: 3 trường). Đã hoàn thành công tác kiểm tra xóa mù chữ, phổ cập giáo dục năm 2021, có 8/8 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; 8/8 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 8/8 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 7/8 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 (huyện Khánh Vĩnh đạt mức độ 1).

#### *d. Y tế*

Ngành Y tế tiếp tục theo dõi, kiểm tra, giám sát, chủ động đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh tại các địa phương trên địa bàn tỉnh như bệnh Tay-Chân-Miệng, sởi, sốt xuất huyết, dịch COVID-19... Tháng 6/2022, ghi nhận 414 ca sốt xuất huyết; 215 ca bệnh Tay-Chân-Miệng; 4 ca viêm gan vi rút các loại; các bệnh sốt rét, uốn ván, viêm não Nhật Bản, viêm não vi rút không phát sinh ca mắc mới; đã khám chữa bệnh cho 219,1 nghìn lượt người; điều trị nội trú 16,5 nghìn lượt; phẫu thuật 2.417 ca; đã thực hiện tiêm chủng đủ liều cho 1.501 trẻ em dưới 1 tuổi; tiêm sởi mũi 2 cho 1.568 trẻ em dưới 18 tháng tuổi; tiêm UV2+ cho 1.602 phụ nữ có thai.

Sáu tháng đầu năm 2022, ngành Y tế đã hoàn thành tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn tỉnh, đã đạt và vượt các chỉ tiêu quan trọng như: Số bác sỹ/vạn dân đạt 10,5 người; số giường bệnh/vạn dân là 35,1 giường; các tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi lần lượt là 7,4% với thể nhẹ cân và 8,5% với thể thấp còi; tỷ lệ dân số tham gia BHYT là 92,03%; số ca mắc mới các bệnh truyền nhiễm giảm; dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát tốt,



các bệnh viện đã khôi phục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh cho người dân; việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động khám bệnh, chữa bệnh ngày càng được nâng cao. Toàn tỉnh ghi nhận 768 ca sốt xuất huyết, giảm 65,23% so cùng kỳ năm trước; 426 ca bệnh Tay-Chân-Miệng, giảm 34,46%; 22 ca viêm gan vi rút các loại, giảm 94,05%; 01 ca viêm não vi rút, giảm 80%; trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa chưa xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm; đã khám chữa bệnh cho 1.135 nghìn lượt người; điều trị nội trú 85,6 nghìn lượt người; phẫu thuật 12.382 lượt người; thực hiện tiêm đủ liều cho 8.055 trẻ dưới 1 tuổi; tiêm sởi mũi 2 cho 8.964 trẻ em dưới 18 tháng tuổi; tiêm UV2+ cho 7.872 phụ nữ có thai.

Trong tháng, đã phát hiện thêm 10 trường hợp nhiễm mới HIV, nâng tổng số người nhiễm HIV đến nay là 2.724 người; số người đã chuyển sang giai đoạn AIDS là 1.999 người và số người tử vong do AIDS đến nay là 1.301 người.

Về tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đang được kiểm soát tốt, các hoạt động phòng, chống dịch tiếp tục được triển khai thực hiện. Tính đến ngày 20/6/2022, toàn tỉnh ghi nhận tích lũy 119.084 trường hợp dương tính (trong đó 357 ca tử vong), đã xuất viện 118.712 trường hợp, riêng từ ngày 23/6/2021 đến 20/6/2022 có 118.751 trường hợp. Đang quản lý, điều trị tại nhà 15 trường hợp. Tổng số trường hợp được lấy mẫu xét nghiệm RT-PCR là 1.672.351 mẫu; xét nghiệm nhanh kháng nguyên là 6.638.449 mẫu.

Đối với công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19, tính đến 20/6/2022, độ tuổi từ 18 tuổi trở lên đã tiêm được 977.779 mũi 1; 977.517 mũi 2; mũi bổ sung là 383.587 mũi; nhắc lại lần 1 là 450.747 mũi; nhắc lại lần 2 là 34.300 mũi. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi được tiêm vắc xin phòng COVID-19 là 102,61% đối với mũi 1; 102,58% đối với mũi 2; mũi bổ sung là 40,25%; mũi nhắc lại lần 1 là 47,3%; mũi nhắc lại lần 2 là 3,6%. Về tiêm vắc xin cho trẻ từ 12-17 tuổi, mũi 1 là 120.939 mũi, đạt tỷ lệ 106,21%; mũi 2 là 117.434 mũi đạt tỷ lệ 103,14%. Về tiêm vắc xin cho trẻ từ 5 - 12 tuổi, mũi 1 là 25.745 mũi đạt tỷ lệ 18,39%; mũi 2 là 662 mũi đạt tỷ lệ 0,47%.

#### ***e. Văn hóa, thể thao***

Ngành Văn hóa và Thể thao đã triển khai hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, cổ động trực quan, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ kỷ niệm các ngày lễ lớn của tỉnh và đất nước như: Kỷ niệm 92 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2022); 92 năm Ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (24/02/1930 - 24/02/2022); tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 09- NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; chào mừng Kỷ niệm 45 năm

thị xã Nha Trang được nâng cấp lên thành phố (30/3/1977 - 30/3/2022); Kỷ niệm 47 năm Ngày Giải phóng tỉnh Khánh Hòa (02/4/1975 - 02/4/2022); Kỷ niệm 47 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2022); Ngày Quốc tế Lao động 01/5; Kỷ niệm 68 năm Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2022); Kỷ niệm 132 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2022); tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31...

Sáu tháng đầu năm 2022, ngành đã triển khai tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao có chất lượng, hiệu quả đáp ứng nhu cầu thụ hưởng văn hóa của Nhân dân như: Tổ chức 26 hoạt động trong chuỗi các hoạt động “Mừng Đảng - Mừng Xuân Nhâm Dần 2022” tạo không khí vui tươi, phấn khởi cho Nhân dân và du khách vui xuân đón Tết; tổ chức thành công các chương trình Nghệ thuật chào mừng 91 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Chủ đề “Khát vọng tuổi trẻ”; Chương trình “ Lễ hội giao lưu văn hóa Việt - Hàn tại Khánh hòa 2022”; các hoạt động văn hóa, nghệ thuật thuộc Chương trình “Hành trình huyền thoại Mẹ xứ sở Thiên Y A Na” và “Nha Trang - Chào hè 2022”; Ngày văn hóa các dân tộc Việt Nam 19/4 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Liên hoan nghệ thuật Bài chòi tỉnh Khánh Hòa mở rộng năm 2022... Đã tổ chức triển lãm ảnh “Bản sắc văn hóa Việt Nam trong Tết cổ truyền” và “ Gian hàng tết các sản phẩm làng nghề truyền thống, hiện vật, sản vật đặc trưng của Khánh Hòa”; triển lãm ảnh “Khánh Hòa - Những khoảnh khắc trong phòng chống dịch COVID-19” phục vụ Nhân dân và du khách tham quan với 120 ảnh và 30 tranh cổ động; triển lãm chuyên đề “Nét cũ dấu xưa”; triển lãm ảnh “Đất nước, con người trong cộng đồng ASEAN”; tổ chức “Phiên chợ Đồ xưa đồ cũ” giao lưu, trao đổi kỷ vật, đồ lưu niệm xưa; trưng bày triển lãm “Tiếng vọng từ lòng đất”; triển lãm “Nha Trang – Chào hè năm 2022”...

Thư viện tỉnh đã phục vụ 92.151 lượt bạn đọc, số lượt sách báo phục vụ tại thư viện là 70.332 lượt; thực hiện cấp phát, gia hạn 1.399 thẻ bạn đọc; đồng thời thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng chống dịch COVID-19.

Về thể thao, tính đến ngày 9/6/2022, tổng số huy chương các loại của các đội tuyển đạt được 94 bộ (19 Vàng, 34 Bạc, 41 Đồng); 9 vận động viên đạt cấp kiện tướng và 21 vận động viên cấp I.

#### ***g. Tai nạn giao thông***

Triển khai thực hiện tốt Năm An toàn giao thông 2022 với chủ đề “Xây dựng văn hóa giao thông an toàn gắn với kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”, các cấp, các ngành trên toàn tỉnh đã và đang tích cực tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về TTATGT và các biện pháp phòng tránh tai nạn giao

thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, kết hợp với tuyên truyền về công tác phòng, chống dịch COVID -19 bằng nhiều hình thức sáng tạo và linh động để nâng cao nhận thức, ý thức tự giác chấp hành của người tham gia giao thông.

Từ ngày 15/5/2022 đến 14/6/2022, toàn tỉnh đã xảy ra 09 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 10 người, bị thương 01 người. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022 (từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022), trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 51 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 56 người, bị thương 15 người (trong đó, thành phố Nha Trang đã xảy ra 17 vụ, làm chết 16 người, bị thương 03 người; thành phố Cam Ranh xảy ra 9 vụ, làm chết 10 người, bị thương 04 người; huyện Cam Lâm xảy ra 09 vụ, làm chết 11 người, bị thương 01 người); tai nạn giao thông đường thủy xảy ra 01 vụ, làm chết 01 người. So cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông đường bộ tăng 02 vụ, số người chết tăng 05 người, số người bị thương tăng 03 người; số vụ tai nạn giao thông đường sắt giảm 05 vụ, số người chết giảm 04 người.

#### ***h. Tình hình cháy, nổ và bảo vệ môi trường***

Trong tháng 6/2022 đã xảy ra 02 vụ cháy trên địa bàn tỉnh, không có thiệt hại về người và đang thống kê giá trị thiệt hại. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 11 vụ cháy, giảm 6 vụ so cùng kỳ năm trước; làm bị thương 01 người; ước tính giá trị thiệt hại là 2,63 tỷ đồng và 2 vụ đang thống kê giá trị thiệt hại, giảm 2,52 tỷ đồng.

***Tóm lại:*** Sáu tháng đầu năm 2022, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh với phương châm “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”, tận dụng mọi cơ hội để thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; cùng với sự đoàn kết, đồng lòng của các cấp, các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp và toàn thể Nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa đã có dấu hiệu khởi sắc và phục hồi mạnh mẽ. Nhiều chỉ tiêu kinh tế tăng khá so cùng kỳ năm trước như: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 12,58%; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 16,5%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 21,64%; kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng 31,41%; doanh thu du lịch gấp 3,09 lần; thu ngân sách Nhà nước tăng 15,02%... Cùng với đó, các lĩnh vực văn hóa xã hội, hoạt động giáo dục tiếp tục được sự quan tâm của toàn xã hội; tình hình dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát tốt. Các chế độ về an sinh xã hội, phúc lợi xã hội được thực hiện đầy đủ theo quy định; công tác đền ơn, đáp nghĩa, hỗ trợ người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số được Nhà nước, các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp quan tâm góp phần ổn định và nâng cao đời sống Nhân dân. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiếp tục được chú trọng. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững.

*Để phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2022, các Sở, ban, ngành, địa phương cần kiên định và đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ, tăng cường dự báo, chủ động điều hành linh hoạt, phù hợp với tình hình mới, kịp thời ứng phó với các tình huống phát sinh, tập trung triển khai hiệu quả đồng bộ các chính sách hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:*

*Một là, tiếp tục thực hiện hiệu quả các biện pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội như: Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP.*

*Hai là, thực hiện đồng bộ kế hoạch triển khai Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21/3/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 23/02/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị; khẩn trương triển khai Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.*

*Ba là, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện đối với công tác lập quy hoạch: Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung đô thị mới Cam Lâm; quy hoạch phân khu thuộc đô thị mới Cam Lâm.*

*Bốn là, tiếp tục theo dõi, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm của quốc gia, của tỉnh, đảm bảo chất lượng và tiến độ quy định; thúc đẩy đầu tư công, nâng cao tỷ lệ giải ngân tạo động lực thúc đẩy kinh tế, cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI), cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.*

*Năm là, theo dõi tình hình thời tiết, chủ động phương án phòng chống thiên tai, cảnh báo mưa lũ nhằm hạn chế tối đa thiệt hại tới sản xuất và cuộc sống của người dân. Tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm. Chủ động các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông và phòng, chống thiên tai, cháy nổ trên địa bàn tỉnh./.*

**Nơi nhận:**

- Bí thư và các Phó Bí thư tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thị xã, tp;
- Lãnh đạo Cục;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TKTH.

**CỤC TRƯỞNG**

**Lê Thị Trúc Phương**

## 1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành

Triệu đồng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2022	Cơ cấu 6 tháng đầu năm 2021 (%)	Cơ cấu 6 tháng đầu năm 2022 (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>40.039.205,2</b>	<b>46.128.466,6</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	5.932.281,6	6.199.431,6	14,81	13,44
Công nghiệp và xây dựng	11.403.271,7	13.585.998,0	28,48	29,46
<i>Công nghiệp</i>	8.125.157,1	9.629.950,0	20,29	20,88
<i>Xây dựng</i>	3.278.114,6	3.956.048,0	8,19	8,58
Dịch vụ	18.464.926,9	21.853.123,8	46,12	47,37
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	4.238.725,0	4.489.913,2	10,59	9,73

## 2. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh

Triệu đồng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>23.335.309,6</b>	<b>26.270.551,1</b>	<b>112,58</b>
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3.199.371,7	3.220.109,4	100,65
Công nghiệp và xây dựng	6.807.356,9	7.766.745,6	114,09
<i>Công nghiệp</i>	4.726.305,7	5.429.188,1	114,87
<i>Xây dựng</i>	2.081.051,2	2.337.557,5	112,33
Dịch vụ	10.804.307,6	12.675.213,9	117,32
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	2.524.273,4	2.608.482,2	103,34

### 3. Sản xuất Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính 6 tháng đầu năm 2022	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2022 so với (%)	
				KH 2022	6T/2021
<b>a. Sản xuất nông nghiệp</b> (Tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)					
<b>* Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm</b> (Tính từ đầu vụ Đông Xuân 2021-2022)	ha	55.268,3	56.355,5	78,01	98,07
Trong đó:					
- Cây lương thực	ha	39.184,5	38.762,1	77,40	101,09
+ Lúa	"	37.340,9	36.936,9	82,56	101,09
. Lúa đông xuân	"	19.908,9	19.932,4	100,21	99,88
. Lúa hè thu	"	17.432,0	17.004,5	96,31	102,51
. Lúa mùa	"	-	-	-	-
+ Ngô	"	1.843,6	1.825,2	34,19	101,01
- Cây chất bột có củ	ha	2.975,4	3.120,8	94,58	95,34
+ Khoai lang	"	61,9	67,9	36,63	91,16
+ Sắn	"	2.721,7	2.857,2	95,83	95,26
+ Chất bột khác	"	191,8	195,7	140,00	98,01
- Cây thực phẩm	ha	2.779,9	2.815,2	50,93	98,75
+ Rau các loại	"	2.375,0	2.385,2	54,47	99,57
+ Đậu các loại	"	404,9	430,0	36,88	94,16
- Cây công nghiệp hàng năm	ha	9.549,0	10.866,0	82,15	87,88
Trong đó: + Mía	"	9.114,2	10.396,5	87,66	87,67
+ Thuốc lá	"	183,0	170,0	-	107,65
+ Lạc	"	237,2	279,4	52,59	84,90
<b>b. Lâm nghiệp</b>					
<b>* Sản phẩm chủ yếu</b>					
- Gỗ khai thác từ rừng trồng	m <sup>3</sup>	38.859,8	37.585,0	-	103,39
- Diện tích rừng trồng mới tập trung	ha	145,6	221,0	-	65,88
<b>c. Thủy sản</b>					
<b>* Tổng sản lượng thủy sản</b>	tấn	68.052,1	67.608,2	59,82	100,66
- Sản lượng thủy sản khai thác	"	59.644,8	59.769,2	62,69	99,79
- Sản lượng thủy sản nuôi trồng	"	8.407,3	7.839,0	45,18	107,25
Trong đó: + Sản lượng tôm thịt thu hoạch	"	1.305,0	1.269,0	-	102,84
+ Sản lượng tôm hùm thu hoạch	"	671,0	647,3	-	103,66
<b>* Diện tích nuôi trồng thủy sản</b>	ha	2.505,1	2.458,0	63,45	101,92



#### 4. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Ước tính tháng 6 năm 2022 so với tháng trước	Ước tính tháng 6 năm 2022 so cùng kỳ năm trước	6 tháng đầu năm 2022 so cùng kỳ năm trước
<b>Toàn ngành công nghiệp</b>	<b>102,18</b>	<b>116,78</b>	<b>116,50</b>
<b>- Khai khoáng</b>	<b>104,87</b>	<b>116,55</b>	<b>102,89</b>
<b>- Công nghiệp chế biến, chế tạo</b>	<b>102,22</b>	<b>116,95</b>	<b>117,23</b>
- Sản xuất chế biến thực phẩm	88,73	120,59	127,53
- Sản xuất đồ uống	116,53	118,02	109,66
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá	110,34	108,50	110,81
- Dệt	131,09	138,34	119,72
- Sản xuất trang phục	46,11	99,57	121,37
- Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	116,01	53,22	96,69
- Chế biến gỗ và SX SP từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); SP từ rơm, rạ và vật liệu tét, bện	130,21	101,02	102,69
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	106,51	104,60	113,06
- In, sao chép bản ghi các loại	107,10	77,75	89,77
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	98,46	125,83	157,39
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	109,24	162,12	113,05
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ MMTB)	97,20	109,16	119,93
- Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	99,11	156,70	114,25
- Sản xuất phương tiện vận tải khác	99,15	129,26	125,86
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	107,68	116,65	108,48
- Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	85,63	288,70	117,08
<b>- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí</b>	<b>101,71</b>	<b>119,74</b>	<b>116,19</b>
<b>- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải</b>	<b>101,85</b>	<b>103,32</b>	<b>99,91</b>

## 5. Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 6 năm 2022	6 tháng đầu năm 2022	Tháng 6 năm 2022 so cùng kỳ năm trước (%)	6 tháng đầu năm 2022 so cùng kỳ năm trước (%)
- Đá xây dựng khác	m <sup>3</sup>	81.190,4	430.092,8	114,09	101,67
- Cá ngừ đông lạnh	tấn	2.834,9	17.413,7	115,43	110,55
- Cá khác đông lạnh	tấn	2.143,1	13.056,9	137,24	174,07
- Tôm đông lạnh	tấn	2.214,4	11.683,6	116,92	122,03
- Đường RE	tấn	-	53.220,0	-	99,35
- Đường RS	tấn	-	76.409,0	-	172,66
- Bia đóng chai	nghìn lít	124,6	302,7	38,65	46,21
- Bia đóng lon	nghìn lít	4.166,3	23.133,9	107,08	107,90
- Nước yến và nước bổ dưỡng khác	nghìn lít	6.617,2	34.949,9	120,26	110,09
- Thuốc lá có đầu lọc	nghìn bao	73.485,0	435.026,0	108,50	110,81
- Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa	tấn	350,0	1.542,0	138,34	119,72
- Bộ quần áo thể thao khác	nghìn cái	300,0	3.406,2	108,23	122,76
- Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	m <sup>2</sup>	10.123,2	49.021,9	330,77	102,86
- Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	chiếc	3.356,4	14.144,4	161,04	113,79
- Bàn bằng gỗ các loại	chiếc	21.572,4	102.915,8	117,93	108,11
- Điện sản xuất	triệu Kwh	61,3	328,0	161,91	132,51
- Điện thương phẩm	triệu Kwh	280,4	1.461,9	101,51	106,88

## 6. Doanh nghiệp và Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 6 năm 2022	6 tháng đầu năm 2022	Tháng 6 năm 2022 so cùng kỳ năm trước (%)	6 tháng đầu năm 2022 so với (%)	
					KH 2022	6T/2021
<b>a. Một số chỉ tiêu về doanh nghiệp</b> (Tính đến ngày 15/6/2022)						
- Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	doanh nghiệp	115	1.023	198,28	-	143,48
- Vốn đăng ký mới	tỷ đồng	498,0	11.202,2	70,56	-	196,54
- Doanh nghiệp hoạt động trở lại	doanh nghiệp	43	872	113,16	-	119,13
- Doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động	"	81	1.188	126,56	-	121,85
- Doanh nghiệp đã giải thể	"	17	151	94,44	-	76,65
<b>b. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>-</b>	<b>26.293.494</b>	<b>-</b>	<b>42,42</b>	<b>111,34</b>
- Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn nhà nước	"	-	6.364.912	-	-	104,32
- Vốn đầu tư ngoài nhà nước	"	-	16.982.822	-	-	111,10
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	-	2.945.760	-	-	132,22
<b>c. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>362.000</b>	<b>1.363.422</b>	<b>105,45</b>	<b>38,20</b>	<b>104,11</b>
- Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh	"	201.000	795.665	124,47	34,42	111,65
- Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện	"	112.000	423.241	94,28	50,24	102,24
- Vốn ngân sách nhà nước cấp xã	"	49.000	144.516	77,79	34,83	78,98

## 7. Thương mại và du lịch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 6 năm 2022	6 tháng đầu năm 2022	Tháng 6 năm 2022 so cùng kỳ năm trước (%)	6 tháng đầu năm 2022 so với (%)	
					KH 2022	6T/2021
<b>a. Tổng mức bán hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng</b>	triệu đồng	13.289.172	72.568.992	139,88	-	115,81
<i>* Trong đó: Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng</i>	"	7.670.563	40.550.810	156,74	65,74	121,64
<i>Chia theo ngành kinh tế:</i>						
- Ngành Thương mại	triệu đồng	5.056.763	28.814.310	127,22	-	112,15
- Ngành Dịch vụ lưu trú, ăn uống	"	1.780.000	7.932.418	320,35	-	156,98
- Ngành Dịch vụ lữ hành	"	150.000	525.375	15.000,00	-	727,82
- Ngành Dịch vụ khác	"	683.800	3.278.707	188,72	-	130,09
<b>Mặt hàng bán ra chủ yếu của các DNNN</b>						
- Xăng, dầu các loại	m <sup>3</sup>	34.880	201.854	123,50	-	109,03
- Thuốc lá điếu	nghìn bao	54.500	324.338	118,37	-	115,11
<b>b. Xuất, nhập khẩu</b>						
<b>* Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa</b>	nghìn USD	157.370	790.089	138,10	57,88	131,41
<b>Mặt hàng xuất chủ yếu</b>						
- Thủy sản các loại	tấn	11.100	56.086	141,93	-	134,58
- Cà phê	"	5.614	31.766	97,90	-	88,68
- Tàu biển (trọng tải 81.000 tấn)	chiếc	-	-	-	-	-
- Tàu biển (trọng tải 50.000 tấn)	"	1	5	100,00	-	100,00
<b>* Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa</b>	nghìn USD	75.550	481.311	118,48	56,62	149,86
<b>Mặt hàng nhập chủ yếu</b>						
- Giấy các loại	tấn	115	293	155,62	-	133,55
- Xơ, sợi dệt các loại	"	57	810	24,78	-	40,45
- Sắt, thép các loại	"	12.900	68.323	343,80	-	252,20
<b>c. Du lịch</b>						
- Tổng doanh thu du lịch	triệu đồng	1.767.323	5.549.775	3.000,04	138,74	309,44
- Khách lưu trú	lượt người	350.000	1.046.268	2.259,52	87,19	228,64
<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	"	13.000	42.507	1.470,59	106,27	222,51
- Ngày khách lưu trú	ngày khách	770.000	2.486.220	515,21	72,27	216,26
<i>Trong đó: Ngày khách quốc tế</i>	"	70.000	210.957	727,58	111,03	252,66

## 8. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Chỉ số giá tháng 6 năm 2022 so với:				Chỉ số giá bình quân 6 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021
	Kỳ gốc 2019	Tháng 6 năm 2021	Tháng 12 năm 2021	Tháng 5 năm 2022	
<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG</b>	<b>107,67</b>	<b>103,44</b>	<b>102,70</b>	<b>100,66</b>	<b>102,56</b>
1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	108,73	101,14	101,45	100,85	99,22
<i>Trong đó: Lương thực</i>	114,23	96,93	97,91	101,00	96,25
<i>Thực phẩm</i>	106,85	99,91	100,27	100,59	98,33
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	110,78	104,98	104,95	101,36	101,86
2. Đồ uống và thuốc lá	106,90	102,86	100,86	100,00	103,54
3. May mặc, giày dép và mũ nón	104,96	101,14	101,07	100,29	100,69
4. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	104,69	102,08	101,28	99,73	103,45
5. Thiết bị và đồ dùng gia đình	104,36	102,46	101,95	100,39	101,67
6. Thuốc và dịch vụ y tế	102,24	100,02	100,00	100,00	100,02
7. Giao thông	127,40	127,96	118,40	104,06	123,08
8. Bưu chính, viễn thông	100,00	100,00	100,00	100,00	99,98
9. Giáo dục	103,62	99,96	102,28	100,00	99,55
10. Văn hoá, giải trí và du lịch	99,95	100,26	100,32	100,08	99,93
11. Hàng hóa và dịch vụ khác	109,66	103,57	103,48	101,08	102,07
<b>CHỈ SỐ GIÁ VÀNG</b>	<b>176,07</b>	<b>121,64</b>	<b>113,67</b>	<b>99,04</b>	<b>118,98</b>
<b>CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ</b>	<b>102,80</b>	<b>103,06</b>	<b>101,38</b>	<b>100,88</b>	<b>100,19</b>

## 9. Giá bán lẻ hàng hóa một số mặt hàng

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Tháng 6 năm 2022	Tháng 6 năm 2021	Tháng 12 năm 2021
1	Gạo tẻ thường (ML202)	đồng/kg	12.310	12.967	12.838
2	Gạo tẻ ngon (Gò Công)	đồng/kg	20.309	20.064	20.301
3	Gạo nếp thường	đồng/kg	17.499	17.863	17.678
4	Sắn tươi	đồng/kg	13.150	12.400	12.454
5	Thịt lợn mỡ sấn	đồng/kg	106.257	139.451	106.466
6	Thịt bò bắp	đồng/kg	244.325	241.884	241.718
7	Gà mái ta làm sạch, loại bỏ nội tạng	đồng/kg	128.113	123.592	123.979
8	Trứng vịt loại vừa	đồng/10 quả	34.020	28.526	29.574
9	Dầu ăn Neptune 1 lít	đồng/lít	60.520	43.486	49.835
10	Cá thu khúc giữa	đồng/kg	253.689	236.822	243.568
11	Đậu phụng loại 1	đồng/kg	45.372	45.313	45.819
12	Đậu xanh hạt loại 1	đồng/kg	38.713	39.347	38.652
13	Đậu nành	đồng/kg	19.055	18.647	18.740
14	Muối hạt	đồng/kg	3.663	3.078	3.222
15	Nước mắm cá cơm 40 độ đậm	đồng/lít	118.512	113.662	118.055
16	Bột ngọt Ajinomoto gói 454g	đồng/kg	68.621	65.450	68.621
17	Sữa đặc có đường hiệu Ông Thọ	đồng/hộp	23.000	22.000	22.000
18	Nước khoáng Lavie 500ml	đồng/lít	9.033	9.033	9.000
19	Bia chai Sài Gòn 450ml	đồng/lít	16.381	15.270	15.270
20	Thuốc lá White Horse Khánh Hoà	đồng/bao	24.164	22.494	24.164
21	Đường trắng kết tinh Khánh Hòa	đồng/kg	22.259	18.527	20.945
22	Giấy kê ngang 20 tờ/tập	đồng/tập	5.317	5.317	5.317
23	Vitamin B1-100mg, lọ 100 viên	đồng/100viên	7.880	7.880	7.880
24	Xi măng đen PC40 Hoàng Thạch	đồng/kg	1.735	1.654	1.666
25	Gạch xây (gạch ống Tuynen)	đồng/viên	1.271	985	992
26	Dầu hỏa	đồng/lít	27.538	14.558	16.966
27	Xăng E5	đồng/lít	31.377	19.283	22.884
28	Điện sinh hoạt	đồng/kwh	2.259	2.282	2.244
29	Gas đun (bình 12 kg-Shellgas)	đồng/kg	38.032	31.253	37.699
30	Nước máy	đồng/m <sup>3</sup>	5.878	5.884	5.767
31	Vàng 99,99%	ngàn đồng/chỉ	6.940	5.706	6.106
32	Đô la Mỹ	đồng/USD	23.895	23.185	23.570

## 10. Vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 6 năm 2022	6 tháng đầu năm 2022	Tháng 6 năm 2022 so cùng kỳ năm trước (%)	6 tháng đầu năm 2022 so cùng kỳ năm trước (%)
<b>a. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>682,3</b>	<b>3.656,2</b>	<b>164,77</b>	<b>121,99</b>
- Vận tải hành khách	"	152,6	605,7	538,26	158,16
- Vận tải hàng hóa	"	272,4	1.508,0	147,81	120,74
- Kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải	"	257,3	1.542,5	127,73	113,00
<b>b. Vận tải hành khách và hàng hóa</b>					
<b>* Hành khách</b>					
- Vận chuyển	nghìn l ng	3.225,6	12.714,5	445,41	150,22
<i>Trong đó:</i>					
+ Đường bộ	nghìn l ng	3.065,9	12.216,8	437,92	149,73
+ Đường thủy	"	129,7	374,8	645,27	193,10
- Luân chuyển	nghìnl ng.km	167.754,9	667.805,0	476,11	147,72
<i>Trong đó:</i>					
+ Đường bộ	nghìnl ng.km	151.630,5	608.967,8	458,14	150,36
+ Đường thủy	"	1.124,4	3.208,9	693,22	204,36
<b>* Hàng hóa</b>					
- Vận chuyển	nghìn tấn	3.161,9	17.522,2	149,34	115,96
<i>Trong đó:</i>					
+ Đường bộ	nghìn tấn	3.118,9	17.202,4	151,04	115,87
+ Đường thủy	"	36,0	272,6	90,91	131,37
- Luân chuyển	nghìn t.km	322.038,6	1.929.006,4	128,18	117,14
<i>Trong đó:</i>					
+ Đường bộ	nghìn t.km	254.218,6	1.424.296,3	148,27	115,12
+ Đường thủy	"	61.585,0	463.822,7	90,80	131,75



## 11. Tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 6 năm 2022	6 tháng đầu năm 2022	Tháng 6 năm 2022 so cùng kỳ năm trước (%)	6 tháng đầu năm 2022 so với (%)	
					KH 2022	6T/2021
<b>a. Tổng thu ngân sách nhà nước</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>747.335</b>	<b>8.360.000</b>	<b>99,22</b>	<b>69,58</b>	<b>115,02</b>
<b>* Thu từ SXKD trong nước</b>	"	<b>596.254</b>	<b>6.400.000</b>	<b>81,51</b>	<b>64,39</b>	<b>101,67</b>
- Doanh nghiệp nhà nước trung ương	"	21.438	215.000	85,74	49,43	84,21
- Doanh nghiệp nhà nước địa phương	"	223.131	1.537.000	110,91	60,44	99,08
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	"	61.532	540.000	159,31	70,13	100,05
- Thu ngoài quốc doanh	"	93.760	1.500.000	60,77	63,13	99,22
- Lệ phí trước bạ	"	17.437	304.000	45,44	95,00	142,78
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	"	-	2	-	-	100,00
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	"	965	13.000	26,53	108,33	156,42
- Thuế thu nhập cá nhân	"	25.127	900.000	55,79	108,43	141,29
- Thu thuế bảo vệ môi trường	"	34.261	450.000	36,51	45,92	81,96
- Thu xổ số kiến thiết	"	16.999	135.000	89,87	67,50	82,82
- Thu phí và lệ phí	"	16.256	120.000	97,74	63,16	97,55
- Thu tiền sử dụng đất	"	38.127	300.000	84,82	50,00	93,19
- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	"	12.038	118.770	180,48	65,98	175,81
- Thu tiền bán nhà và thuê nhà thuộc SHNN	"	-	28	-	-	121,74
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi CS	"	1.307	10.200	69,93	56,67	115,37
- Thu tiền sử dụng khu vực biển	"	-	-	-	-	-
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	"	6.920	27.000	223,59	60,00	111,95
- Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	"	4.651	80.000	60,92	50,00	48,95
- Thu khác ngân sách	"	22.305	150.000	70,13	53,57	95,33
<b>* Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>	"	<b>151.081</b>	<b>1.960.000</b>	<b>698,06</b>	<b>94,46</b>	<b>201,36</b>
<b>b. Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>1.197.521</b>	<b>5.476.223</b>	<b>118,66</b>	<b>51,52</b>	<b>107,19</b>
<b>* Chi đầu tư phát triển</b>	"	<b>381.578</b>	<b>2.039.053</b>	<b>87,43</b>	<b>57,13</b>	<b>96,09</b>
<i>Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản</i>	"	<i>170.178</i>	<i>571.400</i>	<i>128,70</i>	<i>31,74</i>	<i>117,40</i>
<b>* Chi tạo nguồn cải cách tiền lương</b>	"	-	-	-	-	-
<b>* Chi trả nợ vốn vay đầu tư</b>	"	<b>1.957</b>	<b>2.000</b>	<b>158,33</b>	<b>18,29</b>	<b>160,90</b>
<b>* Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ TC</b>	"	<b>1.170</b>	<b>1.170</b>	-	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
<b>* Dự phòng ngân sách</b>	"	-	-	-	-	-
<b>* Chi thường xuyên</b>	"	<b>812.816</b>	<b>3.434.000</b>	<b>142,21</b>	<b>50,09</b>	<b>115,06</b>
- Chi sự nghiệp kinh tế	"	104.249	363.300	204,82	34,64	112,40
- Chi sự nghiệp văn xã	"	521.916	2.226.600	147,95	53,39	119,86
- Chi quản lý hành chính	"	145.873	639.100	115,20	50,82	101,21
- Chi quốc phòng, an ninh	"	29.734	134.300	151,99	55,42	114,68
- Chi khác ngân sách	"	11.044	70.700	50,86	51,76	128,11
<b>* Chi khác</b>	"	-	-	-	-	-

## 12. Trật tự, an toàn xã hội

Chỉ tiêu	Tháng 6 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến tháng 6 năm 2022	Tháng 6 năm 2022 so với kỳ trước (%)	Tháng 6 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến tháng 6 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tai nạn giao thông</b> (Tính từ 15/5/2022 đến 14/6/2022)					
<b>Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)</b>	<b>9</b>	<b>52</b>	<b>225,00</b>	<b>81,82</b>	<b>94,55</b>
Đường bộ	9	51	225,00	81,82	104,08
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	1	-	-	100,00
<b>Số người chết (Người)</b>	<b>10</b>	<b>57</b>	<b>200,00</b>	<b>83,33</b>	<b>101,79</b>
Đường bộ	10	56	200,00	83,33	109,80
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	1	-	-	100,00
<b>Số người bị thương (Người)</b>	<b>1</b>	<b>15</b>	<b>100,00</b>	<b>33,33</b>	<b>125,00</b>
Đường bộ	1	15	100,00	33,33	125,00
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Cháy, nổ</b> (Tính từ ngày 16/5/2022 đến 15/6/2022)					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	2	11	200,00	50,00	64,71
Số người chết (Người)	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	1	-	-	100,00
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng) <sup>(*)</sup>	-	2.626	-	-	51,00

(\*): Giá trị tài sản thiệt hại ước tính của 09 vụ cháy, nổ; 02 vụ đang thống kê giá trị